

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh  
cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Lai Châu năm 2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021;*

*Căn cứ Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số: 2199/TTr-SKHĐT, ngày 02/12/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (Bộ chỉ số DDCI) tỉnh Lai Châu năm 2021, bao gồm:

1. Đối với cấp sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh.
  - Gồm 09 chỉ số thành phần: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (2) Tính năng động của sở, ban, ngành (3) Chi phí thời gian (4) Chi phí không chính thức (5) Cạnh tranh bình đẳng (6) Hỗ trợ doanh nghiệp (7) Thiết chế pháp lý (8) Vai trò của người đứng đầu (9) Ứng dụng công nghệ thông tin.

- Các cơ quan, đơn vị được đánh giá gồm:

+ Khối sở, ban, ngành: (1) Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, các sở: (2) Công Thương; (3) Giao thông vận tải; (4) Giáo dục và Đào tạo; (5) Kế hoạch và Đầu tư; (6) Khoa học và Công nghệ; (7) Lao động, Thương binh và Xã hội; (8) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (9) Tài chính; (10) Tài nguyên và Môi trường; (11) Thông tin và Truyền thông; (12) Tư pháp; (13) Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (14) Xây dựng và (15) Y tế.

+ Khối Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh: (1) Cục Thuế tỉnh Lai Châu; (2) Bảo hiểm xã hội tỉnh Lai Châu; (3) Công an tỉnh; (4) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lai Châu; (5) Chi cục Hải quan; (6) Cục Quản lý thị trường tỉnh Lai Châu.

## 2. Đối với địa phương (cấp huyện)

- Gồm 10 chỉ số thành phần: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (2) Tính năng động của sở, ban, ngành (3) Chi phí thời gian (4) Chi phí không chính thức (5) Cạnh tranh bình đẳng (6) Hỗ trợ doanh nghiệp (7) Thiết chế pháp lý (8) Vai trò của người đứng đầu (9) Ứng dụng công nghệ thông tin (10) Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất.

- Đơn vị được đánh giá: (1) Huyện Mường Tè; (2) Huyện Nậm Nhùn; (3) Huyện Phong Thổ; (4) Sìn Hồ; (5) Huyện Tam Đường; (6) Huyện Tân Uyên; (7) Huyện Than Uyên; (8) Thành phố Lai Châu.

*(Có biểu các chỉ tiêu đánh giá của từng chỉ số thành phần DDCI tỉnh Lai Châu năm 2021 kèm theo)*

## **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

### 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tổ trưởng Tổ đánh giá DDCI của tỉnh và làm đầu mối hỗ trợ, cung cấp thông tin cần thiết để Đơn vị tư vấn hoàn thành công việc; tiếp nhận đánh giá kết quả, xếp hạng các cơ quan, đơn vị và dữ liệu có liên quan từ Đơn vị tư vấn; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức công bố công khai theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai Bộ chỉ số DDCI tỉnh Lai Châu năm 2021 sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành và địa phương.

- Phối hợp với Đơn vị tư vấn và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu việc điều chỉnh, bổ sung và cập nhật Bộ chỉ số DDCI của tỉnh và xây dựng tiêu chí đánh giá của từng chỉ số thành phần đảm bảo phù hợp với từng giai đoạn và tình hình thực tế của tỉnh trong những năm tiếp theo.

- Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

2. Cục Thống kê tỉnh: Tổ phó Tổ đánh giá DDCI của tỉnh, có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị tư vấn, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các công việc xây dựng mẫu điều tra, thực hiện điều tra, khảo sát, mã hóa dữ liệu và nhập liệu (*kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí được giao tại Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

3. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh: Tổ phó Tổ đánh giá DDCI của tỉnh; tổ chức tuyên truyền hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh,... nâng cao vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện đánh giá, khảo sát DDCI tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Lai Châu, Báo Lai Châu, Cổng Thông tin điện tử tỉnh cùng các cơ quan thông tấn báo chí của tỉnh thực hiện truyền thông về việc triển khai đánh giá Bộ chỉ số DDCI của tỉnh; kịp thời đưa tin trong quá trình điều tra, khảo sát, lấy ý kiến của doanh nghiệp về Bộ chỉ số DDCI của tỉnh Lai Châu.

5. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Lai Châu các năm tiếp theo.

6. Cục Thuế tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp danh sách đối tượng điều tra, khảo sát thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách.

7. Văn phòng UBND tỉnh giám sát độc lập toàn bộ quá trình thực hiện việc đánh giá chỉ số DDCI hàng năm của tỉnh, đảm bảo khách quan, minh bạch.

8. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp, thực hiện Bộ chỉ số DDCI của tỉnh. Kiến nghị, đề xuất các khó khăn, vướng mắc về Tổ đánh giá DDCI (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) và Văn phòng UBND tỉnh (phòng Kiểm soát thủ tục hành chính).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Lai Châu năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp VN (VCCI);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Thông tấn xã Việt Nam tại Lai Châu;
- Báo Lai Châu;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Tiến Dũng**



**BIỂU CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CỦA TỪNG CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DDCI  
TỈNH LAI CHÂU NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày       /12/2021  
của UBND tỉnh Lai Châu)

**I. ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH**

Bộ chỉ số đánh giá cấp sở, ban, ngành (SBN) bao gồm 9 chỉ số thành phần với 66 chỉ tiêu đánh giá. Cụ thể, qua bảng sau:

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU
<b>1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</b>	1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các TTHC, dịch vụ công niêm yết đầy đủ, công khai tại bộ phận một cửa và trang web cơ quan
	2. Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện
	3. Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC
	4. Các văn bản pháp luật liên quan đến DN của TW, tỉnh được công bố công khai kịp thời
	5. Phí và lệ phí được công khai minh bạch
	6. Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc
	7. Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của sở, ban, ngành
	8. Website của SBN đăng tải kịp thời văn bản pháp luật mới lên quan đến DN
	9. Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website khi thực hiện TTHC trực tuyến dễ dàng, đơn giản
	10. DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của SBN
	11. Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN
	12. SBN công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12/2021
	13. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC
	14. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của SBN
<b>2. Tính năng động của sở, ban, ngành</b>	1. SBN nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình
	2. SBN chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh
	3. SBN tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh
	4. SBN đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh
	5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong

<b>CHỈ SỐ THÀNH PHẦN</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>
	việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN
	6. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN
<b>3. Chi phí thời gian</b>	1. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đúng quy định 2. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện 3. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể 4. Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định 5. DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC 6. Số lần các đoàn công tác của SBN tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN 7. Không có hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của SBN 8. Hoạt động thanh kiểm tra của SBN không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN 9. Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành 10. Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các SBN khác hoặc chính quyền ĐP
<b>4. Chi phí không chính thức</b>	1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm. 2. DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi 3. Chi phí không chính thức năm 2021 có xu hướng giảm so với các năm trước.
<b>5. Cạnh tranh bình đẳng</b>	1. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh. 2. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn vốn. 3. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN với nhau khi thực hiện TTHC, dịch vụ công. 4. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các chính sách ưu đãi. 5. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...) 6. Các DN do nữ làm chủ/điều hành và các DN do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền như nhau.
<b>6. Hỗ trợ doanh</b>	1. DN đã tham gia các chương trình hỗ trợ DN (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của Sở, Ban, Ngành

<b>CHỈ SỐ THÀNH PHẦN</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>
<b>ngiệp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>2. Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc</li> <li>3. Triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn</li> <li>4. Chương trình hỗ trợ của SBN rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN</li> <li>5. DN đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do Sở, Ban, Ngành được khảo sát tổ chức</li> <li>6. Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả</li> <li>7. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại</li> <li>8. Chương đối thoại với SBN rất thiết thực với DN</li> </ul>
<b>7. Thiết chế pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. SBN đã thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN</li> <li>2. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định</li> <li>3. Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng</li> <li>4. Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN</li> <li>5. Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN</li> <li>6. DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của SBN</li> <li>7. Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc Sở, Ban, Ngành được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa?</li> <li>8. Khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng</li> <li>9. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại</li> <li>10. DN phải khiếu nại vượt cấp</li> </ul>
<b>8. Vai trò người đứng đầu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Lãnh đạo SBN chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp thủ tục hành chính tại đơn vị</li> <li>2. Lãnh đạo SBN có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN</li> <li>3. Lãnh đạo SBN trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN</li> <li>4. Lãnh đạo SBN giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN sau buổi tham vấn</li> <li>5. Lãnh đạo SBN kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền</li> <li>6. Lãnh đạo SBN đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được DN phản ánh</li> </ul>

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU
<b>9. Ứng dụng công nghệ thông tin</b>	1. Các biểu mẫu TTHC được đăng tải trên website của sở, ban, ngành
	2. Thường xuyên truy cập vào website của sở, ban, ngành để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn
	3. Website của sở, ban, ngành hoạt động chất lượng, hiệu quả
	4. TTHC của sở, ban, ngành được thực hiện ở cấp độ 3 hoặc 4
	5. Website có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến

## II. ĐỐI VỚI ĐỊA PHƯƠNG (CẤP HUYỆN)

Bộ chỉ số đánh giá cấp huyện bao gồm 10 chỉ số thành phần với 69 chỉ tiêu đánh giá. Cụ thể, qua bảng sau:

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU
<b>1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</b>	1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các TTHC, dịch vụ công của ĐP niêm yết đầy đủ, công khai
	2. Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện
	3. Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC
	4. Các văn bản pháp luật liên quan đến DN được ĐP công bố công khai
	5. Phí và lệ phí được ĐP công khai minh bạch
	6. Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc
	7. Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của ĐP
	8. Website của ĐP đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật mới
	9. Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website khi thực hiện TTHC trực tuyến dễ dàng, đơn giản
	10. DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của ĐP
	11. Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN
	12. Địa phương công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12/2021
	13. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC
	14. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của ĐP
<b>2. Tính năng động</b>	1. ĐP nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình

<b>CHỈ SỐ THÀNH PHẦN</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>
<b>của địa phương</b>	<p>2. ĐP chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh</p> <p>3. ĐP tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh</p> <p>4. ĐP đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh</p> <p>5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN</p> <p>6. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN</p>
<b>3. Chi phí thời gian</b>	<p>1. Thời gian giải quyết TTHC đúng quy định</p> <p>2. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện</p> <p>3. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể</p> <p>4. Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định</p> <p>5. DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC</p> <p>6. Số lần các đoàn công tác của ĐP được khảo sát tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN</p> <p>7. Không có hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của ĐP</p> <p>8. Hoạt động thanh kiểm tra của ĐP không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN</p> <p>9. Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành</p> <p>10. Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các SBN</p>
<b>4. Chi phí không chính thức</b>	<p>1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm.</p> <p>2. DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi</p> <p>3. Chi phí không chính thức năm 2021 có xu hướng giảm so với các năm trước.</p>
<b>5. Cạnh tranh bình đẳng</b>	<p>1. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh.</p> <p>2. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn vốn.</p> <p>3. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN với nhau khi thực hiện TTHC, dịch vụ công.</p> <p>4. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các chính sách ưu đãi.</p>

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	CHỈ TIÊU
	<p>5. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đấu thầu, khai thác khoáng sản,...)</p> <p>6. Các DN do nữ làm chủ/điều hành và các DN do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền như nhau.</p>
<b>6. Hỗ trợ doanh nghiệp</b>	<p>1. DN đã tham gia các chương trình hỗ trợ DN (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của ĐP</p> <p>2. Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc</p> <p>3. Triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn</p> <p>4. Chương trình hỗ trợ của ĐP rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN</p> <p>5. DN đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do ĐP được khảo sát tổ chức</p> <p>6. Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả</p> <p>7. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại</p> <p>8. Chương trình đối thoại với ĐP rất thiết thực với DN</p>
<b>7. Thiết chế pháp lý</b>	<p>1. ĐP đã thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN</p> <p>2. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định</p> <p>3. Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng</p> <p>4. Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN</p> <p>5. Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN</p> <p>6. DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của ĐP</p> <p>7. Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc Địa phương được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa</p> <p>7. Khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng</p> <p>8. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại</p> <p>9. DN phải khiếu nại vượt cấp</p>
<b>8. Vai trò người đứng đầu</b>	<p>1. Lãnh đạo ĐP chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ</p> <p>2. Lãnh đạo ĐP có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN</p> <p>3. Lãnh đạo ĐP trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN</p> <p>4. Lãnh đạo ĐP giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN</p>

<b>CHỈ SỐ THÀNH PHẦN</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>
	sau buổi tham vấn, đối thoại
	5. Lãnh đạo ĐP kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền
	6. Lãnh đạo ĐP đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được DN phản ánh
<b>9. Ứng dụng công nghệ thông tin</b>	1. Website của ĐP đáp ứng đầy đủ nhu cầu tìm hiểu thông tin của DN khi thực hiện TTHC
	2. Thường xuyên truy cập vào website của ĐP để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn
	3. Website của ĐP hoạt động chất lượng, hiệu quả
	4. TTHC của ĐP được thực hiện ở cấp độ 3 hoặc 4
	5. Website có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến
<b>10. Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất</b>	1. DN gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh
	2. DN gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai tại các cơ quan Nhà nước của địa phương
	3. Có hiện tượng DN bị thu hồi đất đai (mặt bằng dự án đầu tư) không thỏa đáng
	4. Chính quyền công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của ĐP
	5. Chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại ĐP





**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

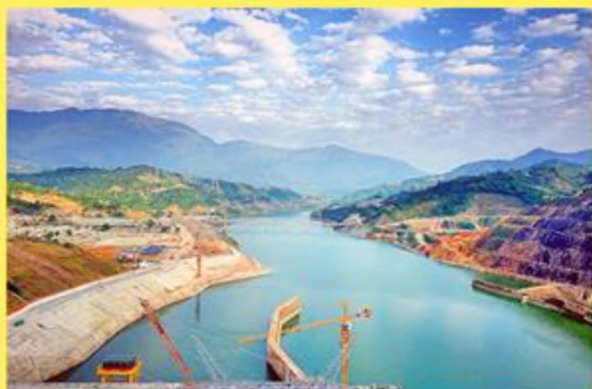
# **PHƯƠNG PHÁP LUẬN**

## **BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH**

### **CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

### **TỈNH LAI CHÂU**

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh*



**DDCI**  
**LAI CHÂU 2021**

**TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ**



## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>i</b>
<b>DANH TỪ VIẾT TẮT</b> .....	<b>iii</b>
<b>PHẦN I: CƠ SỞ, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DDCI) TỈNH LAI CHÂU</b> .....	<b>1</b>
<b>1. Cơ sở xây dựng bộ chỉ số DDCI</b> .....	<b>1</b>
1.1. Cơ sở pháp lý .....	1
1.2. Cơ sở thực tiễn .....	1
<b>2. Mục tiêu, nguyên tắc thực hiện bộ chỉ số DDCI</b> .....	<b>3</b>
2.1. Mục tiêu triển khai bộ chỉ số DDCI.....	3
2.1.1. Mục tiêu chung.....	3
2.1.2. Mục tiêu cụ thể.....	3
2.2. Nguyên tắc thực hiện bộ chỉ số DDCI .....	4
<b>3. Đối tượng được khảo sát, đánh giá của bộ chỉ số DDCI</b> .....	<b>5</b>
3.1. Đối tượng được khảo sát.....	5
3.2. Đối tượng được đánh giá.....	5
<b>4. Thời gian khảo sát, thời kỳ thu thập dữ liệu</b> .....	<b>6</b>
<b>PHẦN II: HIỆU CHỈNH BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH LAI CHÂU</b> .....	<b>7</b>
<b>1. Sự cần thiết của việc điều chỉnh bộ chỉ số DDCI tỉnh Lai Châu</b> .....	<b>7</b>
<b>2. Những thay đổi trong bộ chỉ số DDCI tỉnh Lai Châu năm 2021 so với năm 2020</b> .....	<b>7</b>
2.1. Các sở, ban, ngành được đánh giá .....	7
2.2. Mẫu phiếu.....	8
2.3. Phương pháp chọn mẫu .....	9
2.4. Số lượng mẫu điều tra.....	10
2.5. Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu trong chỉ số thành phần .....	10
2.5.1. Đối với cấp sở, ban, ngành.....	10
2.5.2. Đối với cấp huyện.....	20
2.6. Thang đo.....	32
2.7. Phương pháp tính điểm.....	33

2.8. <i>Xếp hạng</i> .....	34
<b>PHẦN 3: NỘI DUNG CỦA BỘ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH LAI CHÂU NĂM 2021 .....</b>	<b>36</b>
1. Nội dung chi tiết bộ chỉ số DDCI đánh giá cấp sở, ban, ngành .....	36
2. Nội dung chi tiết bộ chỉ số DDCI đánh giá cấp huyện.....	39
3. Ý nghĩa các chỉ số thành phần của DDCI Lai Châu.....	43
4. Điều tra thực tế.....	44
5. Các bước xử lý số liệu.....	44
5.1. <i>Nhập dữ liệu</i> .....	44
5.2. <i>Xử lý số liệu</i> .....	45
6. Tổ chức phối hợp thực hiện bộ chỉ số.....	45

## DANH TỪ VIẾT TẮT

DDCI	District & Department Competitiveness Index (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ban, ngành)
DN	Doanh nghiệp
DTTS	Dân tộc thiểu số
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
PCI	Provincial Competitiveness Index (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)
SBN	Sở, ban, ngành
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

## **PHẦN I**

# **CƠ SỞ, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DDCI) TỈNH LAI CHÂU**

## **1. Cơ sở xây dựng bộ chỉ số DDCI**

### ***1.1. Cơ sở pháp lý***

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021

- Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Quyết định 613/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Lai Châu năm 2020;

- Quyết định 668/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

### ***1.2. Cơ sở thực tiễn***

Cải thiện năng lực cạnh tranh và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh tiếp tục là một trong những ưu tiên của Chính phủ trong công tác quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Nhiệm vụ này được xem là một trong những bước đi cần thiết để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực, với các hiệp định thương mại tự do quan trọng như CPTPP, EVFTA,... Đồng thời bắt đầu kỷ nguyên của một cộng đồng kinh tế ASEAN giàu tính liên kết và triển vọng.

Trong bối cảnh chung đó, việc triển khai nhiệm vụ cải thiện năng lực cạnh tranh, môi trường kinh doanh xuống cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện là giải pháp rất quan trọng và đã được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021. Trong đó, đưa ra nhiệm vụ đối với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thực hiện “Tập trung chỉ đạo khắc phục ngay những hạn chế, vướng mắc trong cơ chế phối hợp

giữa các cơ quan, đơn vị theo hướng: Xác định rõ cơ quan, đơn vị đầu mối chủ trì; Phân định minh bạch, cụ thể quyền và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị đầu mối và các cơ quan, đơn vị phối hợp. Đồng thời, chú trọng giải quyết các bất cập do quy định chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng và tài nguyên, môi trường; thực hiện tích hợp các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật. Nhiệm vụ này xuất phát từ thực tế rằng hiệu quả chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân từ Trung ương hoặc cấp tỉnh sẽ không đạt mục tiêu kỳ vọng nếu như việc thực thi ở cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện còn những hạn chế. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể dù ở quy mô nào, xét cho cùng vẫn diễn ra tại địa bàn của một cấp cơ sở như huyện. Địa bàn cơ sở cấp huyện là nơi các cơ sở kinh doanh sẽ đặt nhà máy, xưởng sản xuất, sử dụng nguồn lao động địa phương hoặc sẽ sử dụng lao động từ nơi khác đến. Các cơ sở kinh doanh cũng sẽ có sự tương tác trực tiếp với sở, ban, ngành hoặc chính quyền cấp huyện nhiều hơn với chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Từ góc độ điều hành, các sở, ban, ngành cũng như chính quyền cấp huyện sẽ phải có những giải pháp điều hành phù hợp để tạo môi trường thuận lợi cho các cơ sở kinh doanh hoạt động hiệu quả.

Bên cạnh đó, DDCI với cách tiếp cận tập trung vào “kết quả thực hiện” công việc của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện qua đánh giá của doanh nghiệp, mà không phải là “đầu ra của các hoạt động” của các đơn vị. Do đó, báo cáo đánh giá DDCI sẽ cung cấp thêm một góc nhìn mới và đồng thời làm rõ hơn về kết quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

Ngoài ra, thực tiễn điểm trung bình PCI giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có và không có triển khai đánh giá DCI/DDCI trong giai đoạn 2014 - 2018 cho thấy điểm số trung bình PCI các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có triển khai đánh giá DCI/DDCI cao hơn 3,8 điểm so với các địa phương chưa triển khai đánh giá DCI/DDCI. Đồng thời, điểm số các chỉ số thành phần của những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương áp dụng đánh giá DCI/DDCI cũng cao hơn so với các địa phương không có đánh giá.

Đối với tỉnh Lai Châu, năm 2020 lần đầu tiên triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương, mặc dù còn thiếu sót nhưng đã thể hiện được sự hiệu quả trong công tác điều hành kinh tế của các sở, ngành và địa phương. Cụ thể, qua đánh giá chỉ số PCI do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Việt Nam, điểm xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Lai Châu đã có sự cải thiện đáng kể. Về thứ bậc xếp hạng, tăng 6 bậc từ xếp hạng 63/63 tỉnh, thành (năm 2019) lên xếp hạng 57/63 (năm 2020); về điểm số, tăng 2,03 điểm từ 59,95 điểm (năm 2019) lên 61,98 điểm (năm 2020). Tuy nhiên, so sánh với các tỉnh thuộc cùng khu vực miền núi phía Bắc, tỉnh Lai Châu hiện đang xếp hạng 12/14 tỉnh. Do đó, trong

thời gian tới chính quyền địa phương và các sở, ban, ngành cần có sự nỗ lực hơn nữa trong công tác quản lý điều hành để ngày càng tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho cộng đồng doanh nghiệp đang hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Từ đó góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 10-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về *“Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”* và định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030 nêu trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là *“Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hòa, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.”*

## **2. Mục tiêu, nguyên tắc thực hiện bộ chỉ số DDCI**

### **2.1. Mục tiêu triển khai bộ chỉ số DDCI**

#### *2.1.1. Mục tiêu chung*

Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Lai Châu nhằm mục đích đánh giá năng lực điều hành của các sở, ban, ngành và chính quyền cấp huyện, từ đó tạo động lực cải cách liên tục hướng đến tạo môi trường thuận lợi nhất cho nhà đầu tư, doanh nghiệp đang hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

#### *2.1.2. Mục tiêu cụ thể*

- Xây dựng hình ảnh thân thiện và cầu thị của cấp sở, ban, ngành và chính quyền cấp huyện đối với cộng đồng kinh doanh
- Cung cấp thêm cho lãnh đạo tỉnh một công cụ hiệu quả để giám sát và chỉ đạo cải thiện chất lượng điều hành đối với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Đồng thời, giúp lãnh đạo tỉnh xác định được những thực tiễn tốt trong cải cách hành chính tại chính các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, để từ đó nhân rộng ra các đơn vị khác.
- Đánh giá khách quan năng lực điều hành của lãnh đạo sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến nhà đầu tư, doanh nghiệp, để từ đó hỗ trợ lãnh đạo các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị mình.

- Tạo sự cạnh tranh, thi đua lành mạnh về chất lượng điều hành giữa các sở, ban, ngành và chính quyền cấp huyện, từ đó tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp; góp phần vào nỗ lực chung của chính quyền tỉnh trong việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi để doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến nâng cao năng lực điều hành của chính quyền địa phương các cấp; nâng cao chất lượng quản lý, điều hành của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

## ***2.2. Nguyên tắc thực hiện bộ chỉ số DDCI***

Kinh nghiệm từ những tỉnh, thành đã triển khai cho thấy, DDCI cần được xây dựng trên nền tảng của một số nguyên tắc cốt lõi để đảm bảo triển khai thành công, kết quả đánh giá có thể đạt được các mục tiêu mà chính quyền tỉnh đề ra. Cụ thể gồm 7 nguyên tắc như sau:

- *Thực tế*: DDCI được xây dựng dựa trên những rà soát, đánh giá sát với chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành và UBND huyện liên quan trực tiếp tới chất lượng điều hành kinh tế và môi trường kinh doanh. Theo đó, bộ chỉ số sẽ ưu tiên đánh giá các chức năng, nhiệm vụ thực tế, có tính chất phổ biến, thường xuyên mà các sở, ban, ngành và UBND huyện đang chịu trách nhiệm đảm nhận.

- *Gắn trách nhiệm cụ thể*: Các nội dung của DDCI phải phản ánh được cảm nhận của các đối tượng điều tra về kết quả xử lý các thủ tục hành chính, năng lực và thái độ phục vụ của từng cơ quan sở, ban, ngành và UBND huyện. Kết quả đánh giá hỗ trợ cho việc gắn trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị cụ thể. Nhờ đó, chính quyền tỉnh có thể nhanh chóng triển khai được các giải pháp chi tiết, phân định rõ trách nhiệm và có hình thức khen thưởng, rút kinh nghiệm đối với từng cơ quan, đơn vị.

- *Khả thi*: Bộ chỉ số được xây dựng một cách phù hợp với bối cảnh và khả năng thực hiện của tỉnh. Tính khả thi thể hiện qua sự hài hòa về chất lượng đánh giá, tiến độ thực hiện và đáp ứng được các ràng buộc về chi phí khảo sát, quỹ thời gian và sự sẵn có nhân sự thực hiện. Việc xây dựng DDCI phải đảm bảo triển khai được trên diện rộng và thu thập được dữ liệu đảm bảo chất lượng để đánh giá, so sánh.

- *Chính xác, khoa học và minh bạch*: Phương pháp xây dựng chỉ số, cách thức tiến hành khảo sát và việc phân tích kết quả cần phản ánh trung thực, khách quan cảm nhận của các đối tượng trong mẫu điều tra. Bên cạnh đó, việc chọn mẫu khảo sát cũng phải khoa học, đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy. Mẫu đối tượng tham gia đánh giá DDCI được lựa chọn khoa học qua các phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên để đảm bảo tính đại diện cho tổng thể đối tượng điều tra tại tỉnh. Minh bạch là nguyên tắc cốt lõi, đảm bảo cho sự thành công của việc triển khai DDCI. Cụ thể, đó là minh bạch về quy trình tổ

chức thực hiện, về trách nhiệm cụ thể của đơn vị khảo sát, cho tới phương pháp thực hiện, với những phân tích, đánh giá dựa trên bằng chứng rõ ràng thu thập được từ khảo sát, chứ không phải là những đánh giá chủ quan của tổ chức thực hiện.

- *Có ý nghĩa*: Kết quả rút ra từ khảo sát DDCI phải có ý nghĩa đối với việc cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực điều hành kinh tế cấp sở, ban, ngành và UBND huyện. Điều này thể hiện xuyên suốt từ việc lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá, xây dựng chỉ số thành phần cũng như chỉ số DDCI tổng hợp. Chỉ như vậy, thì việc kết quả phân tích chỉ số DDCI mới giúp chỉ ra những điểm đã làm tốt, những điểm còn hạn chế để các cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có định hướng cải cách phù hợp, từ đó góp phần vào nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh chung cho cả tỉnh một cách hiệu quả và bền vững.

- *Bảo mật*: Mã hóa và lưu trữ phiếu trả lời DDCI theo nguyên tắc bảo mật danh tính của các doanh nghiệp, tổ chức phản hồi khảo sát theo Luật Thống kê hiện hành. Thực hiện điều này sẽ giúp tạo dựng lòng tin của người trả lời phiếu khảo sát, từ đó thông tin trả lời phiếu sẽ phản ánh chính xác với thực tế diễn ra.

- *Thường xuyên, liên tục*: Được tổ chức khảo sát, đánh giá định kỳ hàng năm, kết quả DDCI được công bố công khai và làm cơ sở để đánh giá công tác thi đua hàng năm của các sở, ban, ngành và địa phương.

### **3. Đối tượng được khảo sát, đánh giá của bộ chỉ số DDCI**

#### **3.1. Đối tượng được khảo sát**

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh đang hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Lai Châu và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trong năm 2021. Cụ thể:

- Đối với khối sở, ban, ngành và khối các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh: Đối tượng khảo sát là các DN và HTX đang hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Lai Châu và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công.

- Đối với cấp huyện: Đối tượng khảo sát là các HTX và HKD cá thể đang hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Lai Châu và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công của UBND cấp huyện.

#### **3.2. Đối tượng được đánh giá**

Việc khảo sát, đánh giá sẽ được tiến hành đối với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện được lựa chọn trên cơ sở nghiên cứu chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Khối sở, ban, ngành: (1) Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù



Thàng, các sở: (2) Công Thương; (3) Giao thông vận tải; (4) Giáo dục và Đào tạo; (5) Kế hoạch và Đầu tư; (6) Khoa học và Công nghệ; (7) Lao động, Thương binh và Xã hội; (8) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (9) Tài chính; (10) Tài nguyên và Môi trường; (11) Thông tin và Truyền thông; (12) Tư pháp; (13) Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (14) Xây dựng và (15) Y tế.

- Khối Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh: (1) Cục Thuế tỉnh Lai Châu; (2) Bảo hiểm xã hội tỉnh Lai Châu; (3) Công an tỉnh; (4) Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lai Châu; (5) Chi cục Hải quan; (6) Cục Quản lý thị trường tỉnh Lai Châu.

- Khối Địa phương: (1) Thành phố Lai Châu và các huyện: (2) Mường Tè; (3) Nậm Nhùn; (4) Phong Thổ; (5) Sìn Hồ; (6) Tam Đường; (7) Tân Uyên; (8) Than Uyên.

#### **4. Thời gian khảo sát, thời kỳ thu thập dữ liệu**

- **Thời gian điều tra, khảo sát:** Từ tháng 01 đến hết tháng 02 năm 2022.

- **Thời kỳ thu thập dữ liệu:** Các thông tin khảo sát liên quan tới cảm nhận của đối tượng về tình trạng của vấn đề được hỏi tại địa phương huyện (thành phố) mình và ở các sở, ban, ngành trong khoảng thời gian 2 năm gần nhất và tập trung vào thông tin của năm gần nhất.

## **PHẦN II**

### **HIỆU CHỈNH BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH LAI CHÂU**

#### **1. Sự cần thiết của việc điều chỉnh bộ chỉ số DDCI tỉnh Lai Châu**

Được xây dựng dựa trên phương pháp luận của PCI, bộ chỉ số DDCI là một công cụ hữu ích phản ánh môi trường kinh doanh của một tỉnh/thành dưới góc nhìn của doanh nghiệp. Theo đó, DDCI có cách tiếp cận tập trung vào “kết quả thực hiện” công việc của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện qua đánh giá của doanh nghiệp, mà không phải là “đầu ra của các hoạt động” của các đơn vị; DDCI giúp cung cấp thêm một góc nhìn mới và đồng thời làm rõ hơn về kết quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

Tuy nhiên, để có thể cập nhật tình hình cải cách và các thách thức mới trong nền kinh tế cũng như môi trường đầu tư kinh doanh thì việc điều chỉnh các chỉ số thành phần, các chỉ tiêu của bộ chỉ số DDCI theo mỗi giai đoạn là cần thiết. Do đó, sẽ tiến hành điều chỉnh bộ chỉ số trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan cũng như tham vấn các chuyên gia theo hướng cập nhật những biến động trong môi trường kinh doanh cũng như những thay đổi của các cơ quan, đơn vị nhà nước trong việc quản lý điều hành kinh tế. Việc điều chỉnh bộ chỉ số sẽ được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Điều chỉnh mẫu phiếu điều tra nhằm làm tăng khả năng trả lời của doanh nghiệp làm tăng tỷ lệ thu hồi phiếu cũng như thuận tiện, tránh những thiếu sót, trùng lặp cho các điều tra viên thực hiện phỏng vấn, điều tra.

- Loại bỏ các chỉ tiêu không còn phù hợp và bổ sung các chỉ tiêu mới để nắm bắt được những thách thức mới trong môi trường kinh doanh và nhấn mạnh những khó khăn mà doanh nghiệp đang gặp phải;

- Tinh gọn số lượng các cơ quan, đơn vị được đánh giá hàng năm trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ cũng như số lượng/tần suất doanh nghiệp tiếp xúc, liên hệ làm việc hàng năm của mỗi đơn vị.

- Điều chỉnh số lượng mẫu điều tra phù hợp với số lượng doanh nghiệp tương tác, thực hiện thủ tục hành chính hàng năm tương ứng với tỷ lệ số lượng doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và số lượng doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên từng địa phương (huyện/thành phố) của tỉnh.

#### **2. Những thay đổi trong bộ chỉ số DDCI tỉnh Lai Châu năm 2021 so với năm 2020**

##### **2.1. Các sở, ban, ngành được đánh giá**

Không tiến hành khảo sát, đánh giá năng lực quản lý, điều hành của 02 đơn vị sau:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu có chức năng là đầu mối tập trung để các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh bố trí công chức

đến thực hiện việc tiếp nhận, hướng dẫn, phối hợp giải quyết hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC cho cá nhân, tổ chức. Do đó, Trung tâm Phục vụ hành chính công không phát sinh các thủ tục hành chính và không thực hiện quản lý, điều hành đối với các hoạt động của doanh nghiệp

- Đối với Công ty Điện lực tỉnh Lai Châu có chức năng chính là sản xuất, kinh doanh điện năng. Do đó, Công ty Điện lực tỉnh Lai Châu là một trong những đối tượng chịu sự quản lý, điều hành của các sở, ban, ngành trong quá trình hoạt động. Đối với trong mối quan hệ với các doanh nghiệp, chỉ là mối quan hệ nhà cung cấp - khách hàng. Do đó, sẽ không phù hợp với đối tượng khảo sát, đánh giá bộ chỉ số DDCI

## **2.2. Mẫu phiếu**

Năm 2020, Bảng câu hỏi sẽ được xây dựng theo hình thức chuẩn hóa, đồng nhất và có thể áp dụng cho tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước. Đối với sở, ban, ngành, thiết kế bộ câu hỏi tách và phân tích theo lĩnh vực quản lý, phương pháp này có tính dự báo cao, và sẵn sàng thích ứng với các thay đổi và cải cách có thể của bộ máy chính quyền tỉnh đang diễn ra. Ở cấp tỉnh, thí điểm hợp nhất 8 sở, ban, ngành thành 4. Ví dụ cụ thể như sau: Sở Tài chính hợp nhất với Sở KH-ĐT thành Sở Tài chính và Kế hoạch có chức năng tham mưu giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư; Hợp nhất Sở GTVT với Sở XD thành Sở GTVT và XD có chức năng tham mưu giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giao thông vận tải và xây dựng.

Mỗi phiếu câu hỏi sẽ bao quát 1 - 3 lĩnh vực quản lý nhà nước. Tức là, mỗi doanh nghiệp trả lời sẽ trả lời câu hỏi cho 1 - 3 lĩnh vực. Phiếu sẽ bắt đầu bằng:

- Lĩnh vực quản lý nhà nước/dịch vụ công mà doanh nghiệp đó có tương tác với chính quyền mà không phải các doanh nghiệp khác đều biết.

- Lĩnh vực quản lý nhà nước/dịch vụ công mà tất cả các doanh nghiệp khác đều tham gia và đều biết.

Do vậy, dự kiến sẽ có 15 mẫu phiếu khác nhau để khảo sát 15 nhóm đối tượng doanh nghiệp, hợp tác xã. Mỗi mẫu phiếu đánh giá từ 1 - 3 lĩnh vực để đảm bảo thu được số phiếu cần thiết cho cuộc điều tra, khảo sát.

Tuy có 15 mẫu phiếu khác nhau cho các nhóm lĩnh vực quản lý khác nhau, nhưng các phiếu cho từng lĩnh vực đều giống nhau về câu hỏi, phương án trả lời. Việc phân loại như vậy nhằm đạt được mục đích tạo điều kiện dễ dàng, thuận lợi, tiết kiệm cho quá trình điều tra, khảo sát. Đơn vị khảo sát chỉ cần lấy đúng mẫu phiếu cho đúng đối tượng DN/HTX điều tra nằm trong mẫu. Việc mã hóa số liệu sẽ giống hệt nhau, chỉ khác biệt là sẽ phải lựa chọn lĩnh vực quản lý nhà nước/dịch vụ công cho đúng.

Bằng cách này, cũng sẽ giảm được độ dài của bảng câu hỏi, cũng như lĩnh vực mà cần hỏi doanh nghiệp, song lại đảm bảo được các lĩnh vực quản

lý nhà nước/dịch vụ công sẽ được bao quát đầy đủ với số lượng phiếu điều tra tối thiểu, cần thiết.

Tuy nhiên với cách tiếp cận này so với thực tế tại địa phương không phù hợp, vì:

- Các sở, ban, ngành và các phòng ban cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lai Châu chưa thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập nên việc quản lý, điều hành hiện đang diễn ra độc lập theo từng chức năng, nhiệm vụ giữa các sở, ban, ngành.

- Việc kết hợp các lĩnh vực trong mẫu phiếu, qua điều tra thực tế trên 1 mẫu phiếu các doanh nghiệp chỉ trả lời 1 - 2 lĩnh vực và phải chọn các mẫu phiếu khác để thực hiện đánh giá cho các sở, ban, ngành khác mà trong quá trình hoạt động doanh nghiệp có tiếp xúc, giao dịch. Điều này, gây khó khăn cho điều tra viên cũng như doanh nghiệp khi thực hiện điều tra vì phải sử dụng nhiều mẫu phiếu, gây lãng phí trong việc in ấn phiếu điều tra. Mặt khác, khi thu hồi phiếu tiến hành nhập phiếu điều tra, xử lý số liệu và lưu trữ phiếu điều tra dễ nhầm lẫn và tốn không gian lưu trữ.

Đề xuất mẫu phiếu điều tra trong năm 2021 đối với cấp sở, ban, ngành và địa phương sẽ được điều chỉnh cấu trúc thống nhất 1 mẫu phiếu duy nhất. Trên mẫu phiếu sẽ có trường dữ liệu để doanh nghiệp ghi tên sở, ban, ngành, địa phương mình thực hiện đánh giá. Trường hợp doanh nghiệp đánh giá nhiều sở, ban, ngành sẽ dùng số phiếu tương ứng và không trả lời lại các nội dung thông tin chung về doanh nghiệp. Như vậy, đối với mẫu phiếu của Bộ chỉ số DDCI tỉnh Lai Châu năm 2021, có 2 loại mẫu phiếu: Mẫu số 1 dành cho đối tượng được đánh giá là cấp sở, ban, ngành. Mẫu số 2 dành cho đối tượng được đánh giá là địa phương cấp huyện.

- Nội dung Phiếu khảo sát gồm 2 phần:

- + Phần 1, Thông tin chung về đối tượng khảo sát: Các câu hỏi trong phần này dùng để thu thập các thông tin chung về đối tượng khảo sát.

- + Phần 2, Nội dung khảo sát: Phần này sẽ là những câu hỏi theo nội dung các tiêu chí của chỉ số thành phần và đáp án trả lời của đối tượng khảo sát.

- Mẫu phiếu khảo sát có thể được điều chỉnh, bổ sung tùy theo yêu cầu, mục đích khảo sát nhằm phục vụ định hướng cải thiện chất lượng giải quyết các thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành và UBND huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh.

### ***2.3. Phương pháp chọn mẫu***

Mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng (theo địa bàn, theo lĩnh vực hoạt động và theo sự tương tác với sở, ban, ngành và địa phương). Chọn ngẫu nhiên hàm ý rằng cơ hội được lựa chọn tham gia điều tra của các đối tượng là như nhau, trong khi phân tầng hàm ý đảm bảo những sự lựa chọn ngẫu nhiên sẽ ứng với những tiêu chí chính đại diện cho tổng thể.

- Đối với cấp sở, ban, ngành, tỷ lệ chọn mẫu được thiết lập thông qua

số lượng DN và HTX từng tương tác với các sở, ban, ngành trong năm gần nhất. Đặc biệt, nhóm nghiên cứu tiến hành chọn thêm mẫu cho các sở, ban, ngành có ít DN và HTX tương tác bằng cách xét thêm yếu tố ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp từ danh sách DN và HTX của Cục Thuế tỉnh. Để đảm bảo cho việc tính toán, xử lý dữ liệu có ý nghĩa về mặt thống kê, lượng mẫu tối thiểu là 30 phiếu/đơn vị. Mỗi DN và HTX tùy theo lĩnh vực hoạt động mà có thể tương tác với 1 hoặc nhiều sở, ban, ngành.

- Đối với cấp huyện, tỷ lệ chọn mẫu được đưa ra dựa trên tỷ lệ số HKD và HTX ở huyện, thành phố đó trên tổng số HKD và HTX của tỉnh. Các địa phương có ít HKD và HTX được ưu tiên lựa chọn trước và quy mô mẫu có thể lấy toàn bộ HKD và HTX của địa phương khi địa phương đó có quá ít HKD và HTX.

#### **2.4. Số lượng mẫu điều tra**

- Đối với cấp sở, ban, ngành: Năm 2020, cỡ mẫu của điều tra DDCI sở, ban, ngành là 300 DN và HTX dựa trên căn cứ tình hình thực tế số lượng DN và HTX hiện có trên địa bàn và số lượng lượt giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Năm 2021 cỡ mẫu của điều tra DDCI cấp sở, ban, ngành vẫn giữ nguyên là 300 doanh nghiệp và hợp tác xã. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động một doanh nghiệp có thể phát sinh giao dịch từ một đến nhiều sở, ban, ngành. Do đó, nếu số lượng phiếu điều tra thu về đảm bảo tối thiểu 30 phiếu đánh giá/1 sở, ban, ngành thì số lượng doanh nghiệp điều tra có thể ít hơn 300 doanh nghiệp.

- Đối với cấp huyện: Năm 2020, tổng cỡ mẫu của điều tra DDCI cấp huyện là 600 HKD và HTX. Căn cứ theo số lượng thực tế HKD và HTX hiện có trên địa bàn (giảm 9,25% )<sup>1</sup>, về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 và số lượng lượt giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, năm 2021 cỡ mẫu của điều tra DDCI cấp huyện dự kiến là 500 HKD và HTX, giảm 100 hợp tác xã và hộ kinh doanh so với năm 2020. Số lượng phiếu điều tra sẽ được phân chia cụ thể cho từng địa phương tương ứng với tỷ lệ số lượng HKD và HTX hiện đang hoạt động trên địa bàn huyện/thành phố.

#### **2.5. Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu trong chỉ số thành phần**

##### **2.5.1. Đối với cấp sở, ban, ngành**

Bộ chỉ số DDCI năm 2020, cấp sở, ban, ngành được đánh giá 8 chỉ số thành phần, với 38 chỉ tiêu. Để phù hợp với tình hình thực tiễn đánh giá của các tỉnh, thành phố. Đồng thời phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Bộ chỉ số DDCI năm 2021 được:

(i) Thay đổi tên gọi của một số chỉ tiêu và sắp xếp lại thứ tự đánh giá các chỉ số thành phần,

---

<sup>1</sup> Niên giám Thống kê tỉnh Lai Châu năm 2020, số lượng cơ sở kinh tế cá thể năm 2019 là 12.394, năm 2020 là 11.248

(ii) Bổ sung thêm một chỉ số thành phần đánh giá là ***Ứng dụng công nghệ thông tin***,

(iii) Thay đổi nội hàm câu hỏi một số chỉ tiêu,

(iv) Tăng/giảm số lượng chỉ tiêu đánh giá trong từng chỉ số thành phần.

Với sự hiệu chỉnh các nội dung trên, Bộ chỉ số DDCI năm 2021 cấp sở, ban, ngành được đánh giá gồm 9 chỉ số thành phần, với 66 chỉ tiêu.

**Bảng 2.1. Tổng quát sự hiệu chỉnh chỉ số thành phần và số lượng chỉ tiêu đánh giá đối với cấp SBN năm 2021 so với năm 2020**

Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá áp dụng đối với cấp SBN năm 2020		Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá áp dụng đối với cấp SBN năm 2021	
Chỉ số thành phần	Số lượng chỉ tiêu	Chỉ số thành phần	Số lượng chỉ tiêu
(3) Minh bạch thông tin	5	(1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	14
(5) Tính năng động của sở, ban, ngành	4	(2) Tính năng động của sở, ban, ngành	6
(2) Chi phí thời gian và chất lượng dịch vụ công	11	(3) Chi phí thời gian	10
(7) Chi phí không chính thức	3	(4) Chi phí không chính thức	3
(4) Cạnh tranh bình đẳng	3	(5) Cạnh tranh bình đẳng	6
(8) Hỗ trợ doanh nghiệp	5	(6) Hỗ trợ doanh nghiệp	6
(1) Thiết chế pháp lý và hiệu quả thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch	4	(7) Thiết chế pháp lý	10
(6) Vai trò và trách nhiệm giải trình của cán bộ lãnh đạo	3	(8) Vai trò của người đứng đầu	6
		(9) Ứng dụng công nghệ thông tin	5
<b>Tổng các chỉ tiêu</b>	<b>38</b>	<b>Tổng các chỉ tiêu</b>	<b>66</b>

Chi tiết sự điều chỉnh nội dung câu hỏi và bổ sung chỉ tiêu trong từng chỉ số thành phần của DDCI Lai Châu năm 2021 như sau:

**Bảng 2.2. Các chỉ số thành phần và số lượng chỉ tiêu đánh giá  
đối với cấp SBN năm 2021 so với năm 2020**

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
<b><i>(1) Thiết chế pháp lý và hiệu quả thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch (4 chỉ tiêu)</i></b>	<b><i>(7) Thiết chế pháp lý (10 chỉ tiêu)</i></b>	
Chất lượng và hiệu quả của các chính sách, chương trình, sáng kiến hỗ trợ, quy hoạch của sở/ ban/ ngành trong lĩnh vực quản lý này	Loại bỏ	Không phù hợp với nội hàm của chỉ số sau khi điều chỉnh.
Thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN/HTX và nhà đầu tư”	Giữ nguyên	
Các nội dung về phát triển bao trùm (giới, dân tộc thiểu số, xã hội...) đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các VBQPPL, quy hoạch, kế hoạch	Loại bỏ	Không phù hợp với nội hàm của chỉ số sau khi điều chỉnh.
Các nội dung về môi trường, sinh thái và phát triển bền vững trong công tác điều hành đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện các VBQPPL, quy hoạch, kế hoạch	Loại bỏ	
	<i>Bổ sung:</i> Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định	Phù hợp với nội hàm của chỉ số sau khi điều chỉnh. Vì tất cả các chỉ tiêu này đều liên quan đến thời gian của DN khi thực hiện giao dịch với các sở, ban, ngành.
	<i>Bổ sung:</i> Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng	
	<i>Bổ sung:</i> Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN	
	<i>Bổ sung:</i> Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến DN	
	<i>Bổ sung :</i> DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của sở, ban, ngành	
<b><i>(2) Chi phí thời gian và chất lượng</i></b>	<b><i>(3) Chi phí thời gian</i></b>	

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
<b><i>dịch vụ công (11 chỉ tiêu)</i></b>	<b><i>(10 chỉ tiêu)</i></b>	
Hiệu quả của các cải cách nhằm cắt giảm chi phí và thời gian cho DN/HTX khi thực hiện TTHC trong lĩnh vực quản lý này tại tỉnh	<i>Điều chỉnh:</i> Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể	
Mức độ hài lòng đối với dịch vụ công nói chung	Loại bỏ	Không phù hợp với nội hàm của chỉ số sau khi điều chỉnh.
Hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến (e-gov)	Loại bỏ	Không phù hợp với nội hàm của chỉ số sau khi điều chỉnh.
Hiệu quả của bộ phận một cửa	Loại bỏ	Không phù hợp với nội hàm của chỉ số sau khi điều chỉnh.
Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ khi tiếp xúc với DN/HTX	<i>Chuyển qua</i> Chỉ số thành phần <b><i>Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</i></b>	
Hiệu quả phối hợp giữa sở, ban, ngành với các sở, ban, ngành khác trong việc giải quyết TTHC và dịch vụ công trong lĩnh vực này	Loại bỏ	DN chỉ đánh giá được kết quả cuối cùng, trong quá trình làm DN sẽ không nắm được dẫn đến đánh thiếu chính xác.
Hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành với Văn phòng Ủy ban trong việc giải quyết TTHC và dịch vụ công trong lĩnh vực này	Loại bỏ	
Sở, ban, ngành đã nỗ lực hết sức trong phạm vi quyền hạn của mình và không đùn đẩy trách nhiệm sang sở, ban, ngành khác hoặc cấp có thẩm quyền cao hơn trong giải quyết thủ tục cho DN/HTX	Loại bỏ	
Sở, ban, ngành đã tích cực triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, chính phủ điện tử (e-gov) nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công, nhằm giảm chi phí và thời gian cho DN/HTX khi thực hiện TTHC trong lĩnh vực quản lý của mình	Loại bỏ	Đã được hỏi ở chỉ tiêu khác và được chia làm 2 ý hỏi.
Số lần thanh tra, kiểm tra của sở, ban, ngành trong lĩnh vực quản lý này mà DN/HTX của ông/ bà phải tiếp trong năm vừa qua	Giữ nguyên	



Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2020	Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2021	Lý do loại bỏ hoặc bổ sung
Các vấn đề về giới, dân tộc thiểu số, phụ nữ kinh doanh, đã được quan tâm, chú ý trong quá trình thực hiện TTHC, dịch vụ công liên quan đến lĩnh vực quản lý này	Loại bỏ	Không phù hợp với nội hàm của chỉ số sau khi điều chỉnh.
	<i>Bổ sung</i> : Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đúng quy định	Phù hợp với nội hàm của chỉ số sau khi điều chỉnh. Vì tất cả các chỉ tiêu này đều liên quan đến thời gian của DN khi thực hiện giao dịch với các sở, ban, ngành.
	<i>Bổ sung</i> : Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện	
	<i>Bổ sung</i> : Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể	
	<i>Bổ sung</i> : Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định	
	<i>Bổ sung</i> : DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC	
	<i>Bổ sung</i> : Số lần các đoàn công tác của sở, ban, ngành tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN	
	<i>Bổ sung</i> : Không có hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động thanh, kiểm tra của SBN	
	<i>Bổ sung</i> : Hoạt động thanh, kiểm tra của sở, ban, ngành không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN	
	<i>Bổ sung</i> : Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành	
	<i>Bổ sung</i> : Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các địa phương	

Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2020	Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2021	Lý do loại bỏ hoặc bổ sung
<b>(3) Minh bạch thông tin (5 chỉ tiêu)</b>	<b>(1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (14 chỉ tiêu)</b>	
Tiếp cận, tìm hiểu các thông tin, văn bản hướng dẫn, và tải xuống các mẫu biểu để thực hiện TTHC và dịch vụ công từ các trang web, cổng thông tin chính phủ điện tử do sở, ban, ngành quản lý	<i>Điều chỉnh thành 3 chỉ tiêu:</i> (1) Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công của SBN niêm yết công khai, đầy đủ. (2) Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC. (3) Các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của DN được SBN công bố công khai.	Chia thành 3 chỉ tiêu nhỏ để thể hiện chi tiết hơn trong việc đánh giá. Từ đó sở, ban, ngành biết được cụ thể chỉ tiêu nào cần phải cải thiện nếu chưa tốt.
Tài liệu hướng dẫn, cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC, dịch vụ công của sở, ban, ngành trong lĩnh vực quản lý	<i>Điều chỉnh:</i> Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện	
Tính chủ động của sở, ban, ngành trong việc phổ biến, hướng dẫn về các VBQPPL trong lĩnh vực quản lý	Loại bỏ	Không phù hợp với nội hàm của chỉ số.
Chất lượng của các thông tin hướng dẫn về thực hiện TTHC trong lĩnh vực quản lý này trên website của sở, ban, ngành hoặc tỉnh	<i>Chuyển qua</i> Chỉ số <b>Ứng dụng công nghệ thông tin</b>	
Tính rõ ràng, có tác dụng của cơ chế tiếp nhận thắc mắc, khiếu nại và việc giải đáp các khiếu nại, thắc mắc cho DN/HTX của các sở, ban, ngành trong lĩnh vực quản lý	<i>Chuyển qua</i> Chỉ số <b>Thiết chế pháp lý</b>	
	<i>Bổ sung:</i> Phí và lệ phí được sở, ban, ngành công khai minh bạch	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá.
	<i>Bổ sung:</i> Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	
	<i>Bổ sung:</i> Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của địa phương	
	<i>Bổ sung:</i> Website của sở, ban, ngành đăng tải các văn bản quy phạm	

Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2020	Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2021	Lý do loại bỏ hoặc bổ sung
	pháp luật mới	
	<i>Bổ sung:</i> Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website của sở, ban, ngành khi thực hiện TTHC là đơn giản, dễ dàng	
	<i>Bổ sung:</i> DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của sở, ban, ngành	
	<i>Bổ sung:</i> Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN	
	<i>Bổ sung:</i> Sở, ban, ngành công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12/2021	
	<i>Bổ sung:</i> “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC	
	<i>Bổ sung:</i> “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của sở, ban, ngành	
<b>(4) Cạnh tranh bình đẳng (3 chỉ tiêu)</b>	<b>(5) Cạnh tranh bình đẳng (6 chỉ tiêu)</b>	
Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử với một hoặc một số nhóm DN/HTX/HKD trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, cơ hội đấu thầu, đất đai, và tài nguyên	<i>Điều chỉnh thành 2 chỉ tiêu:</i> (1) Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh. (2) Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đấu thầu, khai thác khoáng sản,...)	Chia thành 2 chỉ tiêu nhỏ để thể hiện chi tiết hơn trong việc đánh giá. Từ đó sở, ban, ngành biết được cụ thể chỉ tiêu nào cần phải cải thiện nếu chưa tốt.

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN/HTX/HKD với nhau khi thực hiện TTHC, dịch vụ công	Giữ nguyên	
Các DN/HTX do nữ làm chủ/ điều hành và các DN/HTX do nam giới làm chủ/ điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền như nhau	Giữ nguyên	
	<i>Bổ sung:</i> Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các chính sách ưu đãi.	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá.
<b>(5) Tính năng động của sở, ban, ngành (4 chỉ tiêu)</b>	<b>(2) Tính năng động của sở, ban, ngành (6 chỉ tiêu)</b>	
Tính tích cực của sở, ban, ngành trong thực hiện sáng kiến, chương trình cải cách để mang lại lợi ích lớn hơn cho DN/HTX, nhà đầu tư tại tỉnh	<i>Điều chỉnh:</i> Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN	Nhằm làm rõ hơn ý hỏi để DN dễ dàng trả lời khi điều tra.
Sở, ban, ngành trong lĩnh vực quản lý này đã tích cực, nghiêm túc trong việc hỗ trợ giải quyết những khó khăn, vướng mắc của DN/HTX	<i>Điều chỉnh:</i> Sở, ban, ngành nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình	
Sở, ban, ngành đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD, DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19)	<i>Điều chỉnh:</i> Sở, ban, ngành đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh	
Sở, ban, ngành đã tích cực, quan tâm tới dân tộc thiểu số, bình đẳng giới trong quá trình xây dựng, thực thi chính sách, chương trình, quy hoạch	Loại bỏ	Không phù hợp với nội hàm của chỉ số.
	<i>Bổ sung:</i> Sở, ban, ngành tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá.

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
	<i>Bổ sung:</i> Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá.
<b>(6) Vai trò và trách nhiệm giải trình của cán bộ lãnh đạo (3 chỉ tiêu)</b>	<b>(8) Vai trò của người đứng đầu (6 chỉ tiêu)</b>	
Lãnh đạo sở, ban, ngành đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, bao gồm trách nhiệm của người đứng đầu, trong việc thực thi các quy định, chính sách trong lĩnh vực quản lý	<i>Điều chỉnh:</i> Lãnh đạo sở, ban, ngành chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ	Nhằm làm rõ hơn ý hỏi để DN dễ dàng trả lời khi điều tra.
Lãnh đạo sở, ban, ngành trong lĩnh vực quản lý này đã tích cực tham gia các hoạt động đối thoại với DN/HTX	<i>Điều chỉnh:</i> Lãnh đạo sở, ban, ngành trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN	
Lãnh đạo sở, ban, ngành trong lĩnh vực quản lý này đã tích cực thực hiện hiệu quả các cam kết với DN/HTX trong quá trình đối thoại	<i>Điều chỉnh:</i> Lãnh đạo sở, ban, ngành giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN sau buổi tham vấn, đối thoại	
	<i>Bổ sung:</i> Lãnh đạo sở, ban, ngành kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá.
	<i>Bổ sung:</i> Lãnh đạo sở, ban, ngành đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được DN phản ánh	
<b>(7) Chi phí không chính thức (3 chỉ tiêu)</b>	<b>(4) Chi phí không chính thức (3 chỉ tiêu)</b>	
Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước) khi DN/HTX thực hiện TTHC	<i>Điều chỉnh:</i> Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm	Nhằm làm rõ hơn ý hỏi để DN dễ dàng trả lời khi điều tra.
Hiện tượng chi trả các khoản chi phí không chính thức cho cán bộ sở, ban, ngành khi thực hiện thủ tục hành chính hay dịch vụ công đang diễn ra như thế nào	<i>Điều chỉnh:</i> DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi	

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
Xu thế tăng/ giảm của chi phí không chính thức mà DN/HTX trong tỉnh phải chi trả khi thực hiện các TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực này trong năm vừa qua	<i>Điều chỉnh:</i> Chi phí không chính thức năm 2021 có xu hướng giảm so với các năm trước.	
<b>(8) Hỗ trợ doanh nghiệp (5 chỉ tiêu)</b>	<b>(6) Hỗ trợ doanh nghiệp (6 chỉ tiêu)</b>	
Sở, ban, ngành đã rất tích cực và thường xuyên triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN/HTX trên địa bàn tỉnh	Giữ nguyên	
Thiết kế và các quy định của chương trình hỗ trợ doanh nghiệp mà sở, ban, ngành triển khai là rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn của doanh nghiệp	<i>Điều chỉnh:</i> Chương trình hỗ trợ của sở, ban, ngành rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN	Nhằm làm rõ hơn ý hỏi để DN dễ dàng trả lời khi điều tra.
Hiệu quả triển khai, đặc biệt là về khả năng tiếp cận và thời gian có thể tiếp cận, của hoạt động hỗ trợ DN/HTX trong năm vừa qua trong lĩnh vực quản lý	Loại bỏ	Không phù hợp với nội hàm của chỉ số.
Tính minh bạch và công bằng trong việc tiếp cận các hỗ trợ cho DN/HTX trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý	Loại bỏ	
Về tác động của các hoạt động hỗ trợ DN/HTX trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý này tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của DN/HTX	Loại bỏ	
	<i>Bổ sung:</i> Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá.
	<i>Bổ sung:</i> Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả	
	<i>Bổ sung:</i> Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại	
	<i>Bổ sung:</i> Chương trình đối thoại với sở, ban, ngành rất thiết thực với DN	

Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2020	Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp SBN năm 2021	Lý do loại bỏ hoặc bổ sung
<i>Không có chỉ số này</i>	<b>(9) Ứng dụng công nghệ thông tin (5 chỉ tiêu)</b>	Phù hợp với chủ trương của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin để minh bạch hóa quy trình, thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021.
	Website của SBN đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của DN khi thực hiện TTHC	
	Thường xuyên truy cập vào website của sở, ban, ngành để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn	
	Website của sở, ban, ngành hoạt động có chất lượng, hiệu quả	
	TTHC của sở, ban, ngành được thực hiện ở cấp độ 3 hoặc 4	
	Website có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến	

#### 2.5.2. Đối với cấp huyện

Bộ chỉ số DDCI năm 2020, cấp huyện được đánh giá 10 chỉ số thành phần, với 87 chỉ tiêu. Để phù hợp với tình hình thực tiễn đánh giá của các tỉnh, thành phố của cả nước. Đồng thời phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Bộ chỉ số DDCI năm 2021 được:

(i) Thay đổi tên gọi của một số chỉ tiêu và sắp xếp lại thứ tự đánh giá các chỉ số thành phần,

(ii) Bổ sung thêm một chỉ số thành phần đánh giá là **Ứng dụng công nghệ thông tin**,

(iii) Thay đổi nội hàm câu hỏi một số chỉ tiêu,

(iv) Tăng/giảm số lượng chỉ tiêu đánh giá trong từng chỉ số thành phần.

Với sự hiệu chỉnh các nội dung trên, Bộ chỉ số DDCI năm 2021 cấp địa phương được đánh giá gồm 10 chỉ số thành phần, với 69 chỉ tiêu. Cụ thể như sau:

**Bảng 2.3. Tổng quát sự hiệu chỉnh chỉ số thành phần và số lượng chỉ tiêu đánh giá đối với cấp huyện năm 2021 so với năm 2020**

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá áp dụng đối với cấp huyện năm 2020</b>		<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá áp dụng đối với cấp huyện năm 2021</b>	
<b>Chỉ số thành phần</b>	<b>Số lượng chỉ tiêu</b>	<b>Chỉ số thành phần</b>	<b>Số lượng chỉ tiêu</b>
(6) Minh bạch thông tin và đối xử công bằng	12	(1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	14
(4) Tính năng động của lãnh đạo huyện	8	(2) Tính năng động của địa phương	6
(3) Chất lượng dịch vụ công trong cấp phép và hiệu quả của công tác thanh tra kiểm tra	15	(3) Chi phí thời gian	10
(9) Chi phí không chính thức	13	(4) Chi phí không chính thức	3
(5) Hiệu quả công tác đối thoại và trách nhiệm giải trình	6	(5) Cạnh tranh bình đẳng	6
(8) Hiệu quả hoạt động hỗ trợ kinh doanh	7	(6) Hỗ trợ doanh nghiệp	6
(7) Hiệu quả cải cách TTHC, chất lượng dịch vụ công và hiệu quả của bộ phận một cửa	12	(7) Thiết chế pháp lý	9
(1) Chi phí gia nhập thị trường	6	(8) Vai trò của người đứng đầu	6
(10) Hiệu quả của công tác ANTT đảm bảo môi trường kinh doanh an toàn	3	(9) Ứng dụng công nghệ thông tin	5
(2) Khả năng tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh	5	(10) Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất	4
<b>Tổng các chỉ tiêu</b>	<b>87</b>	<b>Tổng các chỉ tiêu</b>	<b>69</b>

Chi tiết sự điều chỉnh nội dung câu hỏi và bổ sung chỉ tiêu trong từng chỉ số thành phần của DDCI Lai Châu cấp địa phương năm 2021 như sau:



**Bảng 2.4. Các chỉ số thành phần và số lượng chỉ tiêu đánh giá đối với cấp địa phương năm 2021 so với năm 2020**

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
<b><i>(1) Chi phí gia nhập thị trường (6 chỉ tiêu)</i></b>	<b><i>Loại bỏ</i></b>	Không phù hợp với DDCI các tỉnh, thành khác đang đánh giá năng lực cạnh tranh trong quản lý điều hành.
<b><i>Không có chỉ số này</i></b>	<b><i>(1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (14 chỉ tiêu)</i></b>	Phù hợp với DDCI các tỉnh, thành khác đang đánh giá năng lực cạnh tranh trong quản lý điều hành.
	Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công của ĐP niêm yết công khai, đầy đủ	
	Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện	
	Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC	
	Các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của DN được ĐP công bố công khai	
	Phí và lệ phí được ĐP công khai minh bạch	
	Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	
	Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của ĐP	
	Website của ĐP đăng tải các văn bản quy phạm	

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
	pháp luật mới	
	Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website của ĐP khi thực hiện TTHC là đơn giản, dễ dàng	
	DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của ĐP	
	Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN	
	ĐP công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12/2021	
	“Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC	
	“Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của ĐP	
<b>(2) Khả năng tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh (5 chỉ tiêu)</b>	<b>(10) Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất (5 chỉ tiêu)</b>	
Mức độ khó khăn hoặc thuận lợi để có được địa điểm kinh doanh như hiện tại	<i>Điều chỉnh:</i> DN gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá.
Chất lượng phổ biến (hướng dẫn, giải thích) các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các cơ sở SXKD trên địa bàn huyện của UBND xã, phường, thị trấn	<i>Điều chỉnh:</i> Chính quyền công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá.
Rủi ro mặt bằng kinh doanh của ông/ bà bị đòi lại, thu hồi hoặc giải tỏa có cao không	Loại bỏ	
Nếu như có nhu cầu, ông/ bà đánh giá	Loại bỏ	Không phù hợp

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
như thế nào về khả năng cơ sở SXKD của ông/ bà được thuê đất tại các khu đất mới được quy hoạch tại huyện (ví dụ: cụm công nghiệp)		với thực tế, do các cơ sở SXKD đa số sử dụng chính nhà ở của mình để kinh doanh hoặc thuê mặt bằng tại các địa điểm có mật độ dân cư cao để kinh doanh (gần chợ, bệnh viện, trường học, ...).
Hiệu quả chung, bao gồm cả khía cạnh chi phí và thời gian thực hiện của thủ tục hành chính, dịch vụ công về đất đai – địa chính tại huyện	<i>Điều chỉnh:</i> DN gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai tại các cơ quan Nhà nước của địa phương	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá.
	<i>Bổ sung:</i> Có hiện tượng DN bị thu hồi đất đai (mặt bằng dự án đầu tư) không thỏa đáng	Phù hợp với nội hàm của chỉ số sau khi điều chỉnh. Vì 2 các chỉ tiêu này là yếu tố mà cơ sở SXKD quan tâm khi sử dụng hoặc thuê mặt bằng kinh doanh.
	<i>Bổ sung:</i> Chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương	
<b>(3) Chất lượng dịch vụ công trong cấp phép và hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra (5 chỉ tiêu)</b>	<b>Loại bỏ</b>	Không phù hợp cho đánh giá DDCL, phù hợp hơn cho việc đánh giá Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).
<b>Không có chỉ số này</b>	<b>(2) Tính năng động của địa phương (6 chỉ tiêu)</b>	Phù hợp với DDCL các tỉnh, thành khác đang đánh giá năng lực cạnh tranh trong

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
		quản lý điều hành.
	ĐP nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình	
	ĐP chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh	
	ĐP tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	
	ĐP đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh	
	Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN	
	Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN	
<b><i>Không có chỉ số này</i></b>	<b><i>(3) Chi phí thời gian (10 chỉ tiêu)</i></b>	Phù hợp với DDCI các tỉnh, thành khác đang đánh giá năng lực cạnh tranh trong

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
		quản lý điều hành.
	<i>Bổ sung:</i> Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đúng quy định	
	<i>Bổ sung:</i> Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện	
	<i>Bổ sung:</i> Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể	
	<i>Bổ sung:</i> Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định	
	<i>Bổ sung:</i> DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC	
	<i>Bổ sung:</i> Số lần các đoàn công tác của ĐP tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN	
	<i>Bổ sung:</i> Không có hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của ĐP	
	<i>Bổ sung:</i> Hoạt động thanh kiểm tra của ĐP không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN	
	<i>Bổ sung:</i> Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành	
	<i>Bổ sung:</i> Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các Sở, Ban, Ngành	
<b>(4) Tính năng động của lãnh đạo huyện (8 chỉ tiêu)</b>	<b>(5) Vai trò của người đứng đầu (6 chỉ tiêu)</b>	
Lãnh đạo huyện đã thực hiện hiệu quả	Loại bỏ	Nhằm làm rõ

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
những quy định, chính sách của Nhà nước, tạo thuận lợi cho các cơ sở SXKD tại địa phương		hơn ý hỏi để DN dễ dàng trả lời khi điều tra, do đó thay thế thành các chỉ tiêu bên dưới.
Huyện đã thực hiện hiệu quả các quy định về trách nhiệm của người đứng đầu đối với lãnh đạo huyện, cán bộ các phòng ban trong quá trình quản lý, điều hành hệ thống chính quyền để phát triển kinh tế địa phương	Loại bỏ	
Lãnh đạo huyện đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD, DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19)	Loại bỏ	
Chính quyền huyện tích cực đưa ra các sáng kiến, giải pháp nhằm cắt giảm chi phí và thời gian, hỗ trợ các cơ sở SXKD tại huyện	Loại bỏ	
Chính quyền huyện tích cực đưa ra các sáng kiến và hình thành cơ chế liên thông, phối hợp giữa các phòng ban cấp huyện nhằm hỗ trợ giải quyết các công việc cho các cơ sở SXKD tại huyện	Loại bỏ	
Lãnh đạo huyện đã quan tâm, lắng nghe và ứng xử thân thiện với các cơ sở SXKD tại địa phương	Loại bỏ	
Chính quyền cấp huyện đã chú ý tới các yếu tố về bình đẳng giới, dân tộc thiểu số, trong công tác quản lý, điều hành kinh tế, triển khai chính sách về phát triển kinh doanh, phát triển kinh tế	Loại bỏ	
Chính quyền cấp huyện đã chú ý tới các yếu tố về môi trường sinh thái trong công tác quản lý, điều hành kinh tế, triển khai chính sách về phát triển kinh doanh, phát triển kinh tế	Loại bỏ	
	<i>Bổ sung:</i> Lãnh đạo ĐP chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ	
	<i>Bổ sung:</i> Lãnh đạo ĐP có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN	

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
	<i>Bổ sung:</i> Lãnh đạo ĐP trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN	
	Bổ sung chỉ tiêu: Lãnh đạo ĐP giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN sau buổi tham vấn, đối thoại	
	<i>Bổ sung:</i> Lãnh đạo ĐP kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	
	<i>Bổ sung:</i> Lãnh đạo ĐP đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được DN phản ánh	
<b>(5) Hiệu quả công tác đối thoại và trách nhiệm giải trình (6 chỉ tiêu)</b>	<i>Loại bỏ</i>	
Một số tiêu chí được kế thừa và chuyển sang chỉ số đánh giá khác phù hợp hơn <i>(Vai trò của người đứng đầu)</i>		
<b>(6) Minh bạch thông tin và đối xử công bằng (12 chỉ tiêu)</b>	- <i>Loại bỏ</i> , các chỉ tiêu trong chỉ số này sẽ được kế thừa để đánh giá cho chỉ số thành phần <b>(1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</b> và chỉ số <b>(5) Cạnh tranh bình đẳng</b>	
<b>(7) Hiệu quả cải cách TTHC, chất lượng dịch vụ công và hiệu quả của bộ phận một cửa</b>	- <i>Loại bỏ</i>	Không phù hợp cho đánh giá DDCI, phù hợp hơn cho việc đánh giá Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).
<b>Không có chỉ số này</b>	<b>(7) Thiết chế pháp lý (6</b>	Phù hợp với

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
	<i>chỉ tiêu)</i>	DDCI các tỉnh, thành khác đang đánh giá năng lực cạnh tranh trong quản lý điều hành.
	ĐP đã thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch vì lợi ích của DN	
	Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định	
	Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng	
	Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN	
	Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN	
	DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của ĐP	
<b>(8) Hiệu quả hoạt động hỗ trợ kinh doanh (7 chỉ tiêu)</b>	<b>(6) Hỗ trợ doanh nghiệp</b>	
Hỗ trợ các cơ sở SXKD trong hoạt động khởi sự kinh doanh	Loại bỏ	Thay thế bằng các chỉ tiêu khác phù hợp hơn với tình hình thực tế
Hỗ trợ các cơ sở SXKD về các vấn đề liên quan tới thuế	Loại bỏ	
Xúc tiến thương mại, hỗ trợ liên kết, kết nối cung cầu, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm	Loại bỏ	
Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tuyển dụng lao động cho người lao động trên địa bàn cấp huyện	Loại bỏ	
Hỗ trợ về vốn vay ưu đãi, tín dụng sản xuất kinh doanh được triển khai thực hiện ở huyện	Loại bỏ	
Công tác thi đua, khen thưởng đối với	Loại bỏ	



<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
các cơ sở SXKD khi có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, đóng góp cho xã hội, cộng đồng		
Chính quyền cấp huyện đã quan tâm tới các yếu tố về giới, dân tộc thiểu số, ưu tiên các đối tượng thiệt thòi trong các chương trình hỗ trợ các cơ sở SXKD tại huyện	Loại bỏ	
	<i>Bổ sung:</i> Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá
	<i>Bổ sung:</i> Triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn	
	<i>Bổ sung:</i> Chương trình hỗ trợ của ĐP rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN	
	<i>Bổ sung:</i> Chủ trương giải quyết vấn đề sau đổi thoai có hiệu quả	
	<i>Bổ sung:</i> Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đổi thoai	
	<i>Bổ sung:</i> Chương trình đổi thoai với ĐP rất thiết thực với DN	
<b>(9) Chi phí không chính thức (13 chỉ tiêu)</b>	<b>(4) Chi phí không chính thức (3 chỉ tiêu)</b>	
Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước) khi cơ sở SXKD thực hiện TTHC, dịch vụ công tại huyện	<i>Điều chỉnh:</i> Hiện tượng những nhiều vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá.
Các cơ sở SXKD tương tự như cơ sở của ông/ bà phải bỏ ra hàng năm các khoản chi không chính thức cho cán bộ cấp huyện/ xã trung bình chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm trong tổng thu nhập của	Loại bỏ	Chỉ tiêu này gây khó khăn cho DN khi trả lời vì cụ thể và không có ý

<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2020</b>	<b>Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2021</b>	<b>Lý do loại bỏ hoặc bổ sung</b>
cơ sở SXKD		nghĩa đánh giá.
Mức độ phổ biến các chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước) khi các cơ sở SXKD thực hiện TTHC, dịch vụ công về các lĩnh vực quản lý sau ở huyện	Loại bỏ	Trùng với chỉ tiêu đã đánh giá ở trên
Hiện tượng chi trả các khoản chi phí không chính thức cho cán bộ cấp huyện khi thực hiện TTHC hay dịch vụ công đang diễn ra như thế nào	<i>Điều chỉnh:</i> DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá
Xu thế tăng/ giảm chung về chi phí không chính thức mà chủ cơ sở SXKD trong huyện phải chi trả khi thực hiện các TTHC và dịch vụ công trong quá trình sản xuất, kinh doanh có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua	<i>Điều chỉnh:</i> Chi phí không chính thức năm 2021 có xu hướng giảm so với các năm trước.	Làm rõ hơn cho chỉ số khi thực hiện đánh giá
<b><i>(10) Hiệu quả của công tác ANTT đảm bảo môi trường kinh doanh an toàn (3 chỉ tiêu)</i></b>	<b><i>Loại bỏ</i></b>	Qua kết quả đánh giá năm 2020 cho thấy chỉ số này nhận được đánh giá rất cao từ DN trên 98%. Nên năm 2021 sẽ không thực hiện đánh giá chỉ số này vì không mang nhiều nghĩa cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.
<b><i>Không có chỉ số này</i></b>	<b><i>(9) Ứng dụng công nghệ thông tin (5 chỉ tiêu)</i></b>	Phù hợp với chủ trương của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin để minh bạch hóa quy trình, thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021.
	Website của địa phương đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của DN khi thực hiện TTHC	
	Thường xuyên truy cập vào website của địa phương để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn	
	Website của địa phương hoạt động chất lượng,	

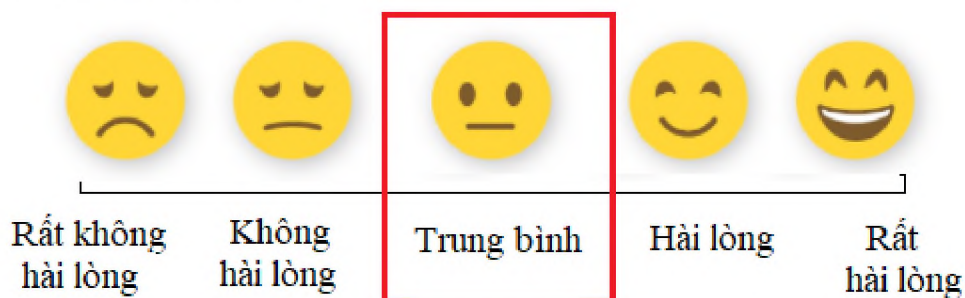
Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2020	Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cấp huyện năm 2021	Lý do loại bỏ hoặc bổ sung
	hiệu quả	
	TTHC của địa phương được thực hiện ở cấp độ 3 hoặc 4	
	Website có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến	

## 2.6. Thang đo

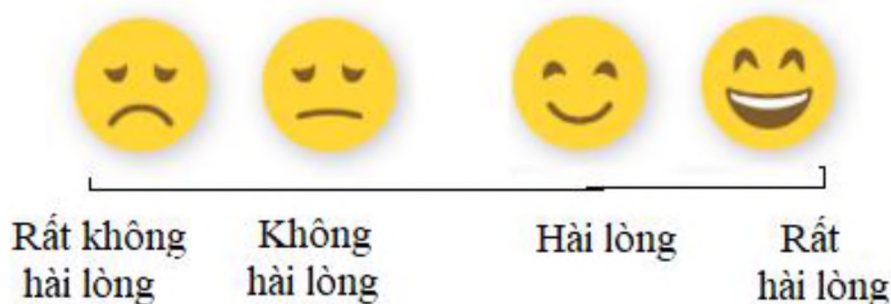
Thang đo Likert do nhà khoa học xã hội người Mỹ, Rensis Likert phát minh và được dùng trong các cuộc điều tra thống kê xã hội học mang tính chất định lượng. Thang đo này ngày càng trở nên phổ biến và được tin dùng cho các cuộc khảo sát lấy ý kiến vì nó là một trong những thang đo đáng tin cậy nhất để đo lường ý kiến, nhận thức và hành vi của đối tượng được khảo sát.

Bộ câu hỏi DDCI tỉnh Lai Châu năm 2020 dùng thang đo Likert 5 mức để đánh giá mức độ năng lực điều hành của các sở, ban, ngành và địa phương theo các tiêu chí. Tuy nhiên, đối với thang đo Likert 5 mức, mức giữa (mức trung lập) thường có ý nghĩa khác nhau tùy thuộc vào mục đích của người trả lời. Trong đó, trường hợp cần xem xét là một số người được hỏi có thể chọn mức trung lập như một cách để tránh né trả lời sự thật và điều này đưa ra kết quả không mong muốn nếu có quá nhiều câu trả lời lựa chọn mức trung lập; có thể ảnh hưởng đến mức độ tin cậy, sự chính xác ít hơn về kết quả điều tra. Với mong muốn dữ liệu thu thập có sự chính xác về thái độ trải nghiệm của người thực hiện các thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước, việc người trả lời phỏng vấn chọn mức trung lập với ý nghĩa nào đi chăng nữa thì đó cũng là sự thể hiện thái độ chưa hài lòng đối với các dịch vụ hành chính công. Bên cạnh đó, phương pháp xử lý số liệu chính được sử dụng trong nghiên cứu là phương pháp thống kê mô tả, không có yêu cầu cao về kỹ thuật phân tích dữ liệu. Do đó, việc sử dụng thang đo Likert 4 mức nhằm phù hợp với mục tiêu đánh giá

### Thang đo Likert 5 mức



## Thang đo Likert 4 mức



### 2.7. Phương pháp tính điểm

Năm 2020, đưa ra cách thức chuẩn hóa điểm cho các chỉ số DDCI theo thang điểm từ 1- 5 theo mức độ cảm nhận từ Rất xấu đến Tốt (cảm nhận tốt dần lên). Các thông số đều được sắp xếp theo hướng tích cực tăng dần (giá trị càng cao càng tốt).

Đến đây, việc tính toán điểm chỉ số thành phần ở mỗi huyện được thực hiện bằng cách lấy bình quân điểm tất cả thông số của huyện đó. Do đó, cách tính điểm chỉ số thành phần thông thường sẽ theo phương thức lấy bình quân điểm các thông số:

$$Dict_t = \frac{P_1 + P_2 + P_3 + \dots + P_m}{m}$$

Trong đó:

$Dict_t$ : điểm chỉ số thành phần thứ  $t$ ; có 10 chỉ số thành phần được sử dụng để tính điểm nên  $t$  nhận giá trị từ 1-10;

$m$ : số lượng các chỉ tiêu tính điểm trong chỉ số thành phần  $Dict_t$ ; tùy từng chỉ số thành phần số lượng chỉ tiêu sẽ khác nhau.

$P_1, P_2, P_3, \dots, P_m$  : là điểm số của chỉ tiêu thứ 1; 2; 3;...;  $m$  (với  $m$  là số tự nhiên dương).

Tương tự, việc tính toán điểm các chỉ số thành phần DDCI sở, ban, ngành cũng được thực hiện bằng cách lấy bình quân điểm tất cả các thông số. DDCI sở, ban, ngành nên được đánh giá theo lĩnh vực quản lý. Nếu xét theo phương pháp này, cách tính điểm số chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực quản lý như sau:

$$Dept_t = \frac{P_1 + P_2 + P_3 + \dots + P_m}{m}$$

Trong đó:

$Dept_t$ : điểm chỉ số thành phần thứ  $t$ ; có 8 chỉ số thành phần được sử dụng để tính điểm nên  $t$  nhận giá trị từ 1-8;

$m$ : số lượng các chỉ tiêu tính điểm trong chỉ số thành phần  $Dict_t$ ; tùy

từng chỉ số thành phần số lượng chỉ tiêu sẽ khác nhau.

$P_1, P_2, P_3, \dots, P_m$  : là điểm số của chỉ tiêu thứ 1; 2; 3;...; m (với m là số tự nhiên dương).

Xếp hạng: Điểm số DDCI cấp sở, ban, ngành và huyện/thành phố sẽ được quy đổi tiếp về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp.

Chỉ số DDCI tính điểm dựa trên nguyên tắc cạnh tranh giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong công tác quản lý điều hành kinh tế. Tuy nhiên, với phương pháp tính điểm năm 2020 không thể hiện được tính cạnh tranh giữa các sở, ban, ngành và địa phương. Do đó, năm 2021 phương pháp tính điểm sẽ được kế thừa cách tiếp cận PCI áp dụng phương pháp chuẩn hóa và quy điểm số, nhằm so sánh chất lượng hoạt động của mỗi đơn vị với thực tiễn tốt nhất về chất lượng điều hành. Mỗi chỉ số thành phần được xây dựng từ nhiều chỉ tiêu nhỏ.

Cụ thể, được tính như sau:

- Đối với các chỉ tiêu thuận, tức là điểm càng cao thì phản ánh chất lượng điều hành càng tốt. Mỗi chỉ tiêu được chuẩn hóa theo thang 10 điểm, đơn vị có thực tiễn tốt nhất sẽ đạt điểm 10, đơn vị có thực tiễn kém nhất tương ứng với điểm 0; các đơn vị còn lại sẽ có số điểm nằm giữa 0 và 10.

+ Điểm chuẩn hóa =  $(9 * ((\text{Điểm của đơn vị đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất của tất cả các đơn vị cùng nhóm đánh giá}) / (\text{Điểm lớn nhất của tất cả các đơn vị} - \text{Điểm nhỏ nhất của tất cả các đơn vị}))) + 1$ .

- Đối với các chỉ tiêu nghịch, tức là điểm càng thấp thì phản ánh chất lượng điều hành càng tốt. Mỗi chỉ tiêu được chuẩn hóa theo thang 10 điểm, đơn vị có thực tiễn tốt nhất sẽ đạt điểm 0, đơn vị có thực tiễn kém nhất tương ứng với điểm 10; các đơn vị còn lại sẽ có số điểm nằm giữa 0 và 10.

+ Điểm chuẩn hóa =  $10 - (9 * ((\text{Điểm của đơn vị đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất của tất cả các đơn vị cùng nhóm đánh giá}) / (\text{Điểm lớn nhất của tất cả các đơn vị} - \text{Điểm nhỏ nhất của tất cả các đơn vị})))$ .

Điểm thành phần của 1 chỉ tiêu thành phần sẽ là trung bình cộng của tất cả các câu hỏi trong chỉ tiêu đó. Điểm số DDCI của từng đơn vị được xác định thông qua tính toán các chỉ số thành phần và chuẩn hóa theo thang điểm 100.

## 2.8. Xếp hạng

Điểm số xếp hạng DDCI Lai Châu năm 2020 được xếp theo các mức sau: Rất tốt ( $\geq 90$  điểm), Tốt (80- 89), Khá (70-79), Trung bình khá (60-69), Trung bình (50-59), Trung bình thấp (40-49), Kém (30-39), Rất kém ( $< 30$ ).

Tuy nhiên, qua thực tế đánh giá điểm số DDCI Lai Châu năm 2020 và điểm số PCI công bố hàng năm. Mức điểm tương ứng với xếp loại như trên là rất cao, không phù hợp với thực tế. Vì vậy, mức điểm số phân loại xếp hạng sẽ được điều chỉnh như sau:

Rất tốt ( $\geq 80$  điểm), Tốt (70-79), Khá (65-69), Trung bình (60-64), Trung bình thấp (50-59), Kém (35-49), Rất kém ( $< 35$ ).



### PHẦN 3

## NỘI DUNG CỦA BỘ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH LAI CHÂU NĂM 2021

### 1. Nội dung chi tiết bộ chỉ số DDCI đánh giá cấp sở, ban, ngành

Bộ chỉ số đánh giá cấp sở, ban, ngành (SBN) bao gồm 9 chỉ số thành phần với 66 tiêu chí đánh giá. Cụ thể, qua bảng sau:

Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Thang đo
<b>1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</b>	1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các TTHC, dịch vụ công niêm yết đầy đủ, công khai tại bộ phận một cửa và trang web cơ quan	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện	
	3. Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC	
	4. Các văn bản pháp luật liên quan đến DN của TW, tỉnh được công bố công khai kịp thời	
	5. Phí và lệ phí được công khai minh bạch	
	6. Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	
	7. Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của sở, ban, ngành	
	8. Website của SBN đăng tải kịp thời văn bản pháp luật mới liên quan đến DN	
	9. Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website khi thực hiện TTHC trực tuyến dễ dàng, đơn giản	
	10. DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của SBN	
	11. Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN	
	12. SBN công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12/2021	
	13. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC	
	14. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của SBN	
<b>2. Tính năng động của sở, ban, ngành</b>	1. SBN nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. SBN chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh	
	3. SBN tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	

Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Thang đo
	<p>4. SBN đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN, HTX trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh</p> <p>5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN</p> <p>6. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN</p>	
<b>3. Chi phí thời gian</b>	1. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đúng quy định	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện	
	3. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể	
	4. Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định	
	5. DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC	
	6. Số lần các đoàn công tác của SBN tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN	0 lần 01 lần > 01 lần
	7. Không có hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của SBN	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	8. Hoạt động thanh kiểm tra của SBN không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN	
	9. Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành	
	10. Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các SBN khác hoặc chính quyền ĐP	
<b>4. Chi phí không chính thức</b>	1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm.	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi	
	3. Chi phí không chính thức năm 2021 có xu hướng giảm so với các năm trước.	
<b>5. Cạnh tranh bình đẳng</b>	1. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh.	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn vốn.	
	3. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN với nhau khi thực hiện TTHC, dịch vụ công.	
	4. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các chính sách ưu đãi.	



Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Thang đo
	5. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...)	
	6. Các DN do nữ làm chủ/điều hành và các DN do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền như nhau.	
<b>6. Hỗ trợ doanh nghiệp</b>	1. DN đã tham gia các chương trình hỗ trợ DN (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của Sở, Ban, Ngành	Có Không
	2. Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	3. Triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn	
	4. Chương trình hỗ trợ của SBN rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN	
	5. DN đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do Sở, Ban, Ngành được khảo sát tổ chức	Có Không
	6. Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	7. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại	
	8. Chương đối thoại với SBN rất thiết thực với DN	
<b>7. Thiết chế pháp lý</b>	1. SBN đã thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định	
	3. Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng	
	4. Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN	
	5. Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN	
	6. DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của SBN	
	7. Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc Sở, Ban, Ngành được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa?	Có biết và đã từng khiếu nại Có biết, nhưng chưa từng khiếu nại Không biết là có cơ chế khiếu nại
	8. Khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý
	9. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại	

Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Thang đo
	10. DN phải khiếu nại vượt cấp	Hoàn toàn không đồng ý
<b>8. Vai trò người đứng đầu</b>	1. Lãnh đạo SBN chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp thủ tục hành chính tại đơn vị	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. Lãnh đạo SBN có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN	
	3. Lãnh đạo SBN trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN	
	4. Lãnh đạo SBN giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN sau buổi tham vấn	
	5. Lãnh đạo SBN kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	
	6. Lãnh đạo SBN đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi những thiếu, gây khó khăn được DN phản ánh	
<b>9. Ứng dụng công nghệ thông tin</b>	1. Website của SBN đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của DN khi thực hiện TTHC	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. Thường xuyên truy cập vào website của sở, ban, ngành để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn	
	3. Website của sở, ban, ngành hoạt động chất lượng, hiệu quả	
	4. TTHC của sở, ban, ngành được thực hiện ở cấp độ 3 hoặc 4	
	5. Website có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến	

## 2. Nội dung chi tiết bộ chỉ số DDCI đánh giá cấp huyện

Bộ chỉ số đánh giá cấp sở, ban, ngành bao gồm 10 chỉ số thành phần với 69 tiêu chí đánh giá. Cụ thể, qua bảng sau:

Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Thang đo
<b>1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</b>	1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các TTHC, dịch vụ công của ĐP niêm yết đầy đủ, công khai	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện	
	3. Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC	
	4. Các văn bản pháp luật liên quan đến DN được ĐP công bố công khai	
	5. Phí và lệ phí được ĐP công khai minh bạch	
	6. Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	
	7. Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của ĐP	

Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Thang đo
	8. Website của ĐP đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật mới 9. Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website khi thực hiện TTHC trực tuyến dễ dàng, đơn giản 10. DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của ĐP 11. Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN 12. Địa phương công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12/2021 13. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC 14. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của ĐP	
<b>2. Tính năng động của địa phương</b>	1. ĐP nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình 2. ĐP chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh 3. ĐP tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh 4. ĐP đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh 5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN 6. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
<b>3. Chi phí thời gian</b>	1. Thời gian giải quyết TTHC đúng quy định 2. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện 3. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể 4. Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định 5. DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC 6. Số lần các đoàn công tác của ĐP được	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý 0 lần

Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Thang đo
	khảo sát tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN	01 lần > 01 lần
	7. Không có hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của ĐP	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	8. Hoạt động thanh kiểm tra của ĐP không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN	
	9. Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành	
	10. Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các SBN	
<b>4. Chi phí không chính thức</b>	1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm.	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi	
	3. Chi phí không chính thức năm 2021 có xu hướng giảm so với các năm trước.	
<b>5. Cạnh tranh bình đẳng</b>	1. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh.	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn vốn.	
	3. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN với nhau khi thực hiện TTHC, dịch vụ công.	
	4. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các chính sách ưu đãi.	
	5. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...)	
	6. Các DN do nữ làm chủ/điều hành và các DN do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền như nhau.	
<b>6. Hỗ trợ doanh nghiệp</b>	1. DN đã tham gia các chương trình hỗ trợ DN (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của ĐP	Có Không
	2. Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	3. Triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn	
	4. Chương trình hỗ trợ của ĐP rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN	

Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Thang đo
	5. DN đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do ĐP được khảo sát tổ chức	Có Không
	6. Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	7. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại	
	8. Chương trình đối thoại với ĐP rất thiết thực với DN	
<b>7. Thiết chế pháp lý</b>	1. ĐP đã thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định	
	3. Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng	
	4. Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN	
	5. Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN	
	6. DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của ĐP	Có biết và đã từng khiếu nại Có biết, nhưng chưa từng khiếu nại Không biết là có cơ chế khiếu nại
	7. Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc Địa phương được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa	
	7. Khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng	
	8. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	9. DN phải khiếu nại vượt cấp	
<b>8. Vai trò người đứng đầu</b>	1. Lãnh đạo ĐP chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. Lãnh đạo ĐP có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN	
	3. Lãnh đạo ĐP trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN	
	4. Lãnh đạo ĐP giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN sau buổi tham vấn, đối thoại	
	5. Lãnh đạo ĐP kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	
	6. Lãnh đạo ĐP đã giám sát và có biện pháp	



Chỉ số thành phần	Tiêu chí	Thang đo
	kip thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được DN phản ánh	
<b>9. Ứng dụng công nghệ thông tin</b>	1. Website của ĐP đáp ứng đầy đủ nhu cầu tìm hiểu thông tin của DN khi thực hiện TTHC	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. Thường xuyên truy cập vào website của ĐP để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn	
	3. Website của ĐP hoạt động chất lượng, hiệu quả	
	4. TTHC của ĐP được thực hiện ở cấp độ 3 hoặc 4	
	5. Website có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến	
<b>10. Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất</b>	1. DN gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh	Hoàn toàn đồng ý Đồng ý Không đồng ý Hoàn toàn không đồng ý
	2. DN gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai tại các cơ quan Nhà nước của địa phương	
	3. Có hiện tượng DN bị thu hồi đất đai (mặt bằng dự án đầu tư) không thỏa đáng	
	4. Chính quyền công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của ĐP	
	5. Chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại ĐP	

### 3. Ý nghĩa các chỉ số thành phần của DDCI Lai Châu

- *Tính minh bạch và tiếp cận thông tin*: Đánh giá mức độ phổ biến, công khai các biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính, văn bản quy phạm pháp luật, các thông tin về chính sách và mức độ, chất lượng website của các đơn vị được đánh giá.

- *Tính năng động*: Đánh giá tính chủ động, tính năng động, sáng tạo của các đơn vị trong quá trình thực thi chính sách, pháp luật của Trung ương, của Tỉnh nhằm giải quyết những vướng mắc, bất cập, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp hoạt động, phát triển.

- *Chi phí thời gian*: Đánh giá khả năng cung ứng dịch vụ công một cách nhanh chóng, không gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp và tác động của quá trình thanh tra, kiểm tra của các đơn vị đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Chi phí không chính thức*: Đánh giá sự minh bạch, liêm khiết trong hoạt động công vụ của cán bộ thực hiện chức trách, nhiệm vụ khi tiếp xúc với doanh nghiệp và mức độ quan tâm, cải thiện của các đơn vị nhằm tạo môi trường ngày càng “trong sạch” trong thực thi công vụ.

- *Cạnh tranh bình đẳng*: Đánh giá sự công tâm, khả năng thực hiện

nguyên tắc đối xử bình đẳng với các doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận các chủ trương, chính sách ưu đãi, các nguồn lực để phát triển doanh nghiệp.

- *Hỗ trợ doanh nghiệp*: Đánh giá khả năng hỗ trợ của các đơn vị nhằm giải quyết khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy, tạo động lực cho doanh nghiệp yên tâm hoạt động.

- *Thiết chế pháp lý*: Đánh giá tính đúng đắn, khả năng thực thi các văn bản quy phạm pháp luật và tính khả năng tham mưu, xây dựng văn bản pháp luật theo hướng ngày càng phù hợp và có lợi cho doanh nghiệp của các đơn vị trong công tác quản lý, điều hành.

- *Vai trò người đứng đầu*: Đánh giá tính sâu sát, quyết liệt và thực tiễn của lãnh đạo các đơn vị trong công tác chỉ đạo, điều hành.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin*: Đánh giá mức độ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của các đơn vị đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong quản lý, điều hành.

- *Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất*: Đánh giá khả năng tiếp cận đất đai, mở rộng mặt bằng và tính ổn định trong việc sử dụng đất đai, mặt bằng kinh doanh để doanh nghiệp yên tâm hoạt động.

#### **4. Điều tra thực tế**

- *Phòng vấn trực tiếp*: Điều tra viên đến Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh; Văn phòng UBND các huyện, thành phố (bộ phận một cửa), các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh để phỏng vấn trực tiếp người đại diện đã tiếp xúc và làm việc với các sở, ban, ngành và huyện, thành phố sau đó ghi kết quả vào phiếu điều tra.

- *Khảo sát qua gửi thư tín* (hệ thống chuyển phát nhanh của Bưu điện và thư điện tử): Điều tra viên căn cứ trên danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ liên hệ và gửi bảng hỏi, thống nhất thời gian trả lời sau đó liên hệ để nhận bảng hỏi. Trong quá trình trả lời, nếu có những vướng mắc người trả lời sẽ liên hệ qua điện thoại, điều tra viên sẽ giải đáp cụ thể.

- *Điều tra qua điện thoại*: Điều tra viên căn cứ trên danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ liên hệ để gọi điện cho người đại diện đã tiếp xúc và làm việc với các sở, ban, ngành và huyện, thành phố sau đó ghi kết quả vào phiếu điều tra.

- *Khảo sát trực tuyến trên hòm thư trực tuyến*: Đơn vị tư vấn sẽ thiết kế bảng hỏi, đưa lên website của UBND tỉnh Lai Châu doanh nghiệp khi truy cập vào website sẽ thực hiện đánh giá, dữ liệu đánh giá sẽ được chuyển về hòm thư của đơn vị tư vấn để tổng hợp, xử lý, phân tích.

#### **5. Các bước xử lý số liệu**

##### **5.1. Nhập dữ liệu**

Phiếu khảo sát sau khi thu thập về sẽ được chuyển toàn bộ sang dạng mã hóa, khi việc nhập liệu hoàn tất, dữ liệu sẽ tiếp tục được phân tích với phần mềm

xử lý số liệu.

## **5.2. Xử lý số liệu**

- *Làm sạch dữ liệu*: thực chất việc “làm sạch dữ liệu” đối với điều tra DDCI đã được thực hiện ngay từ bước chuẩn bị dữ liệu thông qua việc phát hiện các sai sót và hiệu chỉnh. Ở bước này, việc làm sạch dữ liệu có thể nhờ đến sự hỗ trợ của chương trình xử lý số liệu thống kê để phát hiện những lỗi tinh vi hơn của dữ liệu đã thu thập. Các thống kê mô tả và các biểu đồ của các biến là công cụ hữu ích để phát hiện các giá trị (thông tin) cá biệt - ngoại lai. Giá trị trung vị, nhỏ nhất, lớn nhất sẽ cho biết vùng dữ liệu quan sát được của mỗi biến. Đây chính là thông tin quan trọng xác định một biến nào đó có trường hợp ngoại lai không.

- *Xử lý dữ liệu*: Sử dụng các phần mềm hỗ trợ gồm Microsoft Excel, SPSS 22.0 theo trình tự các bước như sau: Các thông tin, ý kiến từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, được tóm tắt và mã hóa dữ liệu bằng các đại lượng thống kê mô tả như trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất, tần suất, trung vị...

- *Trích xuất dữ liệu khảo sát*: Nhóm nghiên cứu sẽ thực hiện việc trích xuất các dữ liệu khảo sát để phục vụ cho việc tổng hợp thành bảng số liệu. Bảng số liệu tổng hợp được dùng để tính điểm và so sánh giữa các đơn vị được khảo sát. Các dữ liệu được trích xuất này là những thống kê mô tả của từng thông số được xây dựng dựa trên các chỉ tiêu đánh giá và câu hỏi khảo sát.

## **6. Tổ chức phối hợp thực hiện bộ chỉ số**

### **6.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Xây dựng và thống nhất về sự phối hợp thực hiện, nguồn tài chính thực hiện;

- Phối hợp với Cục thống kê, Cục Thuế, các đơn vị liên quan... cung cấp danh sách cập nhật nhất toàn bộ các hộ kinh doanh cá thể, Hợp tác xã với địa chỉ cụ thể, phân loại theo địa bàn và lĩnh vực kinh doanh, giới tính chủ hộ...;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan cung cấp danh sách các doanh nghiệp, HTX thực hiện TTHC, dịch vụ công với các sở, ban, ngành trong năm gần nhất;

- Phối hợp và theo dõi chất lượng của điều tra khảo sát;

- Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, giải pháp tháo gỡ trong quá trình thực hiện;

- Tổ chức các Hội thảo tham vấn và Hội nghị công bố kết quả bộ chỉ số.

### **6.2. Cục Thống kê**

Tổ chức điều tra điều tra khảo sát thực tế. Trên cơ sở phối hợp với một đơn vị tư vấn độc lập có kinh nghiệm điều tra về DDCI, triển khai các công việc như sau:



- Phối hợp với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố thu thập danh sách tổng thể các đối tượng điều tra (các cơ sở kinh tế gồm hộ kinh doanh, doanh nghiệp, HTX) với địa chỉ và các thông tin liên lạc chi tiết trên cơ sở phương pháp bên tư vấn đưa ra, và cung cấp cho đơn vị tư vấn xây dựng mẫu điều tra khảo sát;

- Phối hợp với đơn vị tư vấn để hoàn thiện mẫu điều tra. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị tư vấn tổ chức hội thảo tập huấn cho điều tra viên;

- Tiến hành điều tra theo phương án được lựa chọn và mã hóa câu trả lời; Giám sát, kiểm tra về tính xác thực của công tác phỏng vấn qua điện thoại đối với 15% số phiếu (15% sẽ do đơn vị tư vấn kiểm tra, xác thực độc lập). Hỗ trợ cung cấp cho đơn vị tư vấn các số liệu về điều tra doanh nghiệp hàng năm tại tỉnh và các số liệu thứ cấp khác liên quan đến môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tại tỉnh, phục vụ cho báo cáo DDCI của tỉnh.

- Nhập liệu đối với toàn bộ phiếu khảo sát. Tổ chức giám sát nội bộ đối với chất lượng của quá trình nhập liệu từ phiếu điều tra vào phần mềm nhập liệu.

- Tổ chức và hướng dẫn để các cơ sở SXKD tham gia khảo sát DDCI trực tuyến.

- Rà soát và phê duyệt các phiếu trả lời khảo sát trực tuyến, đảm bảo tính xác thực và chất lượng của các phiếu trực tuyến.

### ***6.3. UBND các huyện, sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan***

- Cục Thuế, các Sở, ban, ngành, các huyện có nhiệm vụ tham gia ý kiến về phương pháp luận, hỗ trợ cũng như phối hợp thực hiện việc điều tra khảo sát cùng nhóm nghiên cứu.

- Các sở, ban, ngành, đặc biệt là các đơn vị nằm trong phạm vi đánh giá xếp hạng, có trách nhiệm cung cấp danh sách toàn bộ các doanh nghiệp đã thực hiện một dịch vụ công, hoặc thủ tục hành chính, hoặc có quan hệ công tác với sở (dưới bất kỳ hình thức nào) trong năm vừa qua.

- Phối hợp tuyên truyền cho hoạt động nâng cao năng lực cạnh tranh tại tỉnh.

### ***6.4. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lai Châu và các hiệp hội có liên quan***

- Góp phần giám sát tính khách quan của khảo sát.

- Hỗ trợ các hoạt động, chương trình, hội thảo trong chuỗi hoạt động nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường kinh doanh cấp huyện, sở, ban, ngành.

- Tham gia tập huấn nâng cao năng lực (nếu có).

### ***6.5. Đơn vị tư vấn***

Đơn vị tư vấn độc lập, có kinh nghiệm, chuyên môn về DDCI, triển khai

các công việc như sau: Công tác chuẩn bị cho điều tra, xử lý số liệu, phân tích xếp hạng, viết báo cáo.

- Rà soát, hoàn thiện phiếu điều tra, khảo sát
- Xây dựng, thiết lập và hiệu chỉnh form nhập liệu trên phần mềm nhập liệu trực tuyến (online) đối với phiếu điều tra huyện, thành phố và sở, ban, ngành theo đúng mẫu phiếu điều tra được duyệt nhằm hỗ trợ cho công tác điều tra trực tiếp.
- Xây dựng form, mẫu điều tra trực tuyến, đảm bảo để Cục Thống kê có thể kết hợp cả hai hình thức điều tra trực tiếp, sử dụng phiếu câu hỏi là giấy và điều tra trực tuyến, tạo thuận lợi cho công tác điều tra, khảo sát, và làm cơ sở cho việc thực hiện bền vững công tác điều tra DDCCI trong các năm tiếp theo.
- Đảm bảo form mẫu biểu khảo sát trực tuyến có thể cho phép cán bộ khảo sát hướng dẫn các hộ kinh doanh, doanh nghiệp, HTX thực hiện khảo sát trực tuyến bằng cách sử dụng máy tính xách tay, máy tính bảng, tablet, tạo nền tảng cho việc khảo sát bằng các thiết bị thông minh, giảm chi phí thực hiện khảo sát DDCCI trong dài hạn.
- Thiết lập và hiệu chỉnh công cụ tính toán, phân tích, phần mềm tính toán, phân tích và xử lý số liệu kết quả theo đúng phương pháp DDCCI của tỉnh được duyệt
- Xây dựng và quản lý hệ thống tài khoản điều tra viên, cán bộ nhập liệu và tạo tài khoản và hệ thống quản lý tài khoản điều tra viên, cán bộ nhập liệu
- Xác định mẫu điều tra của tỉnh dựa trên cơ sở quần thể mẫu tổng thể của đối tượng điều tra do Cục Thống kê và các huyện, sở, ban, ngành cung cấp,
- Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn tập huấn điều tra, khảo sát (sổ tay hướng dẫn, mẫu biểu, bài trình bày...).
- Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn nhằm hỗ trợ Cục Thống kê có thể tổ chức hoặc hướng dẫn người tham gia khảo sát tiến hành điều tra khảo sát trực tuyến.
- Thực hiện tập huấn về điều tra cho đơn vị điều tra, hướng dẫn sử dụng phần mềm điều tra, nhập liệu cho đơn vị điều tra.
- Hướng dẫn, hỗ trợ cho Cục Thống kê trong quá trình Cục tiến hành khảo sát và trong việc Cục tổ chức hướng dẫn cho đối tượng tham gia khảo sát tham gia khảo sát trực tuyến.
- Giám sát và kiểm tra về tính xác thực của công tác phỏng vấn qua điện thoại đối với 15% số phiếu.
- Hiệu chỉnh dữ liệu sau khảo sát.
- Làm sạch dữ liệu.
- Thu thập dữ liệu cứng và thông tin định lượng.
- Trích xuất dữ liệu khảo sát.

- Xử lý dữ liệu cứng và các thông tin định lượng.
- Phân tích sơ bộ dữ liệu.
- Thực hiện quy chuẩn điểm các thông số.
- Tính điểm các chỉ số thành phần và chỉ số DCI tổng hợp.
- Tập hợp kết quả điểm số, biểu đồ và xếp hạng.
- Viết báo cáo phân tích.
- Tham vấn ý kiến các cơ quan chuyên môn.
- Tham vấn các chuyên gia độc lập.
- Hoàn thiện báo cáo DDCI của tỉnh.
- Hỗ trợ nội dung, chuẩn bị tài liệu, bài trình bày PowerPoint nhằm phục vụ cho hội nghị Công bố DDCI.
- Xây dựng bảng tóm tắt kết quả DDCI trong năm thành bảng chuẩn hóa để có thể chia sẻ trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang web của tỉnh hoặc các trang web có liên quan./.

## Phụ lục 1

### MẪU PHIẾU KHẢO SÁT DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH



Mã: 01/DDCI-2021

Sở/Ban/Ngành:.....

STT:.....

#### GIỚI THIỆU VỀ CUỘC KHẢO SÁT

UBND tỉnh Lai Châu triển khai khảo sát ý kiến, đánh giá, phản hồi của cộng đồng DN trên địa bàn tỉnh về chất lượng điều hành kinh tế của các Sở, Ban, Ngành và Địa phương trong năm 2021. Cuộc khảo sát được triển khai trên quy mô toàn tỉnh và do Cục Thống kê tỉnh Lai Châu tiến hành. Rất mong nhận được sự chia sẻ, hợp tác của Quý DN trong việc cung cấp thông tin xác thực và đầy đủ.

Đối tượng khảo sát là Doanh nghiệp và Hợp tác xã.

*Chúng tôi cam kết rằng thông tin ông/bà cung cấp sẽ được bảo mật, chỉ phục vụ duy nhất mục đích nghiên cứu và xác nhận thông tin. Tính khuyết danh trong tất cả các tài liệu và báo cáo sẽ được đảm bảo tuyệt đối.*

Rất mong nhận được sự hợp tác nhiệt tình của Quý Ông/Bà.

Trân trọng cảm ơn!

#### A – THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. DN của Ông/Bà được thành lập hoặc bắt đầu hoạt động từ cách đây bao nhiêu năm?

- ☐1 < 2 năm                      ☐2 2 - < 5 năm                      ☐3 5 – 10 năm                      ☐4 > 10 năm

2. DN của Ông/Bà thuộc loại hình nào dưới đây?

- ☐1 Doanh nghiệp tư nhân                      ☐2 Công ty TNHH (một hoặc nhiều thành viên)  
☐3 Công ty cổ phần                      ☐4 Công ty hợp danh  
☐5 Loại hình khác (Vui lòng nêu tên cụ thể):.....

3. DN của Ông/Bà chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nào?

- ☐1 Công nghiệp - Chế tạo                      ☐2 Xây dựng                      ☐3 Dịch vụ - Thương mại  
☐4 Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản                      ☐5 Khai khoáng

4. Tổng số vốn kinh doanh hiện tại của DN (tỷ đồng)?

- ☐1 ≤ 3                      ☐2 > 3 - ≤ 50                      ☐3 > 50 - ≤ 100                      ☐4 > 100

5. Tổng số lao động hiện tại của DN (người)?

- ☐1 ≤ 10                      ☐2 > 10 - ≤ 50                      ☐3 > 50 - ≤ 100                      ☐4 > 100

6. Tình hình lợi nhuận của DN của bạn năm 2021 như thế nào?

- ☐1 Thua lỗ lớn    ☐2 Thua lỗ chút ít    ☐3 Hòa vốn    ☐4 Lãi chút ít    ☐5 Lãi như mong muốn

7. Dự định của ông/bà về hoạt động sản xuất, kinh doanh trong vòng một, hai năm tới?

- ☐1 Đóng cửa DN    ☐2 Giảm nhẹ quy mô  
☐3 Tiếp tục sản xuất kinh, kinh doanh với quy mô hiện tại    ☐4 Mở rộng quy mô một chút  
☐5 Mở rộng quy mô đáng kể    ☐6 Chuyển sang sản xuất, kinh doanh lĩnh vực khác

8. DN của Ông/Bà có là thành viên của các Hiệp hội Doanh nghiệp?

- ☐1 Có                      ☐2 Không

9. Bảng cấp cao nhất đạt được của lãnh đạo doanh nghiệp? (Lãnh đạo doanh nghiệp là người

đại diện pháp lý của doanh nghiệp hoặc chủ hộ kinh doanh/Chủ nhiệm hợp tác xã)

☐<sub>1</sub> THPT hoặc tương đương

☐<sub>2</sub> Trung cấp, cao đẳng

☐<sub>3</sub> Đại học

☐<sub>4</sub> Sau đại học

☐<sub>5</sub> Khác

**B - ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT CỦA DN  
VỀ NĂNG LỰC ĐIỀU HÀNH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**

Cơ quan, đơn vị mà chúng tôi đề nghị để lấy ý kiến DN trong Phiếu khảo sát này sẽ được gọi chung là **SỞ, BAN, NGÀNH ĐƯỢC KHẢO SÁT**, xin quý DN vui lòng cho biết ý kiến của mình về các tiêu chí đánh giá dưới đây (Chỉ chọn 01 phương án với mỗi nhận định):

**SỞ, BAN, NGÀNH (SBN) ĐƯỢC KHẢO SÁT:** .....

**1) TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**Câu 1. Liên quan đến thủ tục hành chính của DN tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, xin vui lòng cho biết đánh giá của DN về việc công khai thủ tục, phí và lệ phí, cán bộ thực hiện thủ tục của SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát:**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công của SBN niêm yết công khai, đầy đủ				
2. Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện				
3. Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC				
4. Các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của DN được SBN công bố công khai				
5. Phí và lệ phí được SBN công khai minh bạch				
6. Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc				

**Câu 2. DN đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (Website) của Sở, Ban, Ngành để tìm kiếm thông tin chưa?**

☐<sub>1</sub> Có (Chuyển tới câu 3)

☐<sub>2</sub> Không (Chuyển tới câu 4)

**Câu 3. Nếu đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử của SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát, xin vui lòng cho biết ý kiến của Ông/bà về các nhận định sau:**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
1. Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của sở, ban, ngành				
2. Website của SBN đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật mới				
3. Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website của SBN khi thực hiện TTHC là đơn giản, dễ dàng				
4. DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của SBN				

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
5. Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN				

**Câu 4. DN cho biết ý kiến về các nhận định sau đây liên quan đến tính công bằng trong tiếp cận thông tin**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
1. SBN công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12/2021				
2. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC				
3. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của SBN				

## 2) TÍNH NĂNG ĐỘNG CỦA SỞ, BAN, NGÀNH

**Câu 5. DN cho biết ý kiến về các nhận định sau đây, liên quan đến tính năng động của SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát? Tính năng động của được hiểu trong bối cảnh triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và của UBND tỉnh.**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
1. SBN nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình				
2. SBN chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh				
3. SBN tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh				
4. SBN đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh				
5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN				
6. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN				

## 3) CHI PHÍ THỜI GIAN

**Câu 6. DN cho biết ý kiến của mình với các nhận định sau đây, liên quan đến quá trình**

**làm thủ tục tại Bộ phận một cửa của SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát.**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
1. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đúng quy định				
2. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện				
3. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể				
4. Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định				
5. DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC				

**Câu 7. DN cho biết ý kiến về hoạt động thanh, kiểm tra của SBN (tính trong năm 2021)**

a) Số lần các đoàn công tác của SBN tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN là:

☐<sub>1</sub> 0 lần

☐<sub>2</sub> 01 lần

☐<sub>3</sub> Trên 01 lần

(Nếu DN không bị thanh kiểm tra, vui lòng chuyển sang Câu 8)

b) Nếu có, DN cho biết ý kiến về những nhận định sau

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
1. <b>Không</b> có hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của SBN				
2. Hoạt động thanh kiểm tra của SBN <b>không</b> gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN				
3. Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành				
4. Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các SBN khác hoặc chính quyền địa phương				

#### **4) CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC**

**Câu 8. DN cho biết ý kiến với các nhận định sau ở SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát?**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm.				
2. DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi				
3. Chi phí không chính thức năm 2021 có xu hướng giảm so với các năm trước.				

### 5) CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG

**Câu 9. DN cho biết ý kiến với các nhận định sau ở SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát?**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
1. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh.				
2. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn vốn.				
3. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN với nhau khi thực hiện TTHC, dịch vụ công.				
4. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các chính sách ưu đãi.				
5. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...)				
6. Các DN do nữ làm chủ/điều hành và các DN do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền lợi như nhau.				

### 6) HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

**Câu 10. DN đã tham gia các chương trình hỗ trợ DN (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát?**

☐<sub>1</sub> Có

☐<sub>2</sub> Không (vui lòng chuyển tới câu 12)

**Nếu DN chọn “Có”, vui lòng cho biết các nhận định sau khi tham gia các chương trình hỗ trợ?**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
1. Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc				
2. Triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn				
3. Chương trình hỗ trợ của SBN rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN				

**Câu 11. DN đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát tổ chức?**

☐<sub>1</sub> Có

☐<sub>2</sub> Không (vui lòng chuyển tới câu 12)

**Nếu DN chọn “Có”, xin vui lòng cho biết ý kiến của DN với các nhận định dưới đây:**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
1. Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả				
2. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau				



Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
đối thoại				
3. Chương trình đối thoại với SBN rất thiết thực với DN				

## 7) THIẾT CHẾ PHÁP LÝ

**Câu 12.** DN cho biết ý kiến với nhận định sau liên quan công tác thi hành, thực thi pháp luật của SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát:

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
1. SBN đã thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN				
2. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định				
3. Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng				
4. Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN				
5. Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN				
6. DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của SBN				

**Câu 13:** Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa?

☐<sub>1</sub> Có biết và đã từng khiếu nại

☐<sub>2</sub> Có biết, nhưng chưa từng khiếu nại

☐<sub>3</sub> Không biết là có cơ chế khiếu nại

*(Nếu DN đã từng khiếu nại, vui lòng chuyển sang câu 14. Nếu DN chưa từng khiếu nại, vui lòng chuyển sang câu 15)*

**Câu 14:** Nếu DN đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền, xin vui lòng cho biết ý kiến của DN về các nhận định liên quan đến hiệu quả của công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền?

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
1. Khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng				
2. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại				
3. DN phải khiếu nại vượt cấp				

## 8) VAI TRÒ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

**Câu 15.** DN cho biết ý kiến với nhận định sau liên quan việc đánh giá vai trò của người đứng đầu SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát?

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
1. Lãnh đạo SBN chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ				
2. Lãnh đạo SBN có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN				
3. Lãnh đạo SBN trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN				
4. Lãnh đạo SBN giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN sau buổi tham vấn, đối thoại				
5. Lãnh đạo SBN kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền				
6. Lãnh đạo SBN đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được DN phản ánh				

## 9) ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**Câu 16. DN cho biết ý kiến với nhận định sau liên quan việc ứng dụng công nghệ thông tin của SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát?**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
1. Website của SBN đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của DN khi thực hiện TTHC				
2. Thường xuyên truy cập vào website của sở, ban, ngành để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn				
3. Website của sở, ban, ngành hoạt động chất lượng, hiệu quả				
4. TTHC của sở, ban, ngành được thực hiện ở cấp độ 3 hoặc 4 <sup>2</sup>				
5. Website có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến				

***Xin chân thành cảm ơn Quý Doanh nghiệp đã tham gia khảo sát!***

<sup>2</sup> – **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1:** là dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.

– **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2:** là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

– **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3:** là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

– **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4:** là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.

## Phụ lục 2

### MẪU PHIẾU KHẢO SÁT DDCI CẤP HUYỆN



Mã: 02/DDCI-2021

Huyện/thành phố:.....

STT:.....

#### GIỚI THIỆU VỀ CUỘC KHẢO SÁT

UBND tỉnh Lai Châu triển khai khảo sát ý kiến, đánh giá, phản hồi của cộng đồng DN trên địa bàn tỉnh về chất lượng điều hành kinh tế của các Sở, Ban, Ngành và Địa phương trong năm 2021. Cuộc khảo sát được triển khai trên quy mô toàn tỉnh và do Cục Thống kê tỉnh Lai Châu tiến hành. Rất mong nhận được sự chia sẻ, hợp tác của Quý DN trong việc cung cấp thông tin xác thực và đầy đủ.

Đối tượng khảo sát là Hợp tác xã và Hộ kinh doanh cá thể.

*Chúng tôi cam kết rằng thông tin ông/bà cung cấp sẽ được bảo mật, chỉ phục vụ duy nhất mục đích nghiên cứu và xác nhận thông tin. Tính khuyết danh trong tất cả các tài liệu và báo cáo sẽ được đảm bảo tuyệt đối.*

Rất mong nhận được sự hợp tác nhiệt tình của Quý Ông/Bà. Trân trọng cảm ơn!

#### A – THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. DN của Ông/Bà được thành lập hoặc bắt đầu hoạt động từ cách đây bao nhiêu năm?

- ☐<sub>1</sub> < 2 năm      ☐<sub>2</sub> 2 - < 5 năm      ☐<sub>3</sub> 5 – 10 năm      ☐<sub>4</sub> > 10 năm

2. DN của Ông/Bà thuộc loại hình nào dưới đây?

- ☐<sub>1</sub> Hộ kinh doanh cá thể      ☐<sub>2</sub> Hợp tác xã  
☐<sub>3</sub> Doanh nghiệp tư nhân      ☐<sub>4</sub> Công ty TNHH (một hoặc nhiều thành viên)  
☐<sub>5</sub> Công ty cổ phần      ☐<sub>6</sub> Công ty hợp danh

3. DN của Ông/Bà chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nào?

- ☐<sub>1</sub> Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản      ☐<sub>2</sub> Công nghiệp - Xây dựng  
☐<sub>3</sub> Dịch vụ - Thương mại

4. Tình hình lợi nhuận của DN của Ông/bà năm 2021 như thế nào?

- ☐<sub>1</sub> Thua lỗ lớn    ☐<sub>2</sub> Thua lỗ chút ít    ☐<sub>3</sub> Hòa vốn    ☐<sub>4</sub> Lãi chút ít    ☐<sub>5</sub> Lãi như mong muốn

5. Tổng số lao động hiện tại của DN (người)?

- ☐<sub>1</sub> ≤ 10      ☐<sub>2</sub> > 10 - ≤ 50      ☐<sub>3</sub> > 50 - ≤ 100      ☐<sub>4</sub> > 100

6. Dự định của ông/bà về hoạt động sản xuất, kinh doanh trong vòng một, hai năm tới?

- ☐<sub>1</sub> Đóng cửa DN    ☐<sub>2</sub> Giảm nhẹ quy mô  
☐<sub>3</sub> Tiếp tục sản xuất kinh, kinh doanh với quy mô hiện tại    ☐<sub>4</sub> Mở rộng quy mô một chút  
☐<sub>5</sub> Mở rộng quy mô đáng kể    ☐<sub>6</sub> Chuyển sang sản xuất, kinh doanh lĩnh vực khác

**B - ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT CỦA DN  
VỀ NĂNG LỰC ĐIỀU HÀNH CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

*Cơ quan, đơn vị mà chúng tôi đề nghị để lấy ý kiến DN trong Phiếu khảo sát này sẽ được gọi chung là **ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC KHẢO SÁT**, xin quý DN vui lòng cho biết ý kiến của mình về các tiêu chí đánh giá dưới đây (Chỉ chọn 01 phương án với mỗi nhận định):*

**ĐỊA PHƯƠNG (ĐP) ĐƯỢC KHẢO SÁT:** .....

**1) TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN**

**Câu 1. Liên quan đến thủ tục hành chính của DN tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, xin vui lòng cho biết đánh giá của DN về việc công khai thủ tục, phí và lệ phí, cán bộ thực hiện thủ tục của ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát:**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công của ĐP niêm yết công khai, đầy đủ				
2. Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện				
3. Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC				
4. Các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của DN được ĐP công bố công khai				
5. Phí và lệ phí được ĐP công khai minh bạch				
6. Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc				

**Câu 2. DN đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (Website) của ĐỊA PHƯƠNG để tìm kiếm thông tin chưa?**

☐<sub>1</sub> Có (Chuyển tới câu 3)

☐<sub>2</sub> Không (Chuyển tới câu 4)

**Câu 3. Nếu đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử của ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát, xin vui lòng cho biết ý kiến của Ông/bà về các nhận định sau:**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
1. Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của ĐP				
2. Website của ĐP đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật mới				
3. Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website của ĐP khi thực hiện TTHC là đơn giản, dễ dàng				
4. DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của ĐP				
5. Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN				

**Câu 4. DN cho biết ý kiến về các nhận định sau đây liên quan đến tính công bằng trong tiếp cận thông tin**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
1. ĐP công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12/2021				
2. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC				
3. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của ĐP				

## 2) TÍNH NĂNG ĐỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

**Câu 5. DN cho biết ý kiến về các nhận định sau đây, liên quan đến tính năng động của ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát?** Tính năng động của được hiểu trong bối cảnh triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và của UBND tỉnh.

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
1. ĐP nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình				
2. ĐP chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh				
3. ĐP tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh				
4. ĐP đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh				
5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN				
6. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN				

## 3) CHI PHÍ THỜI GIAN

**Câu 6. DN cho biết ý kiến của mình với các nhận định sau đây, liên quan đến quá trình làm thủ tục tại Bộ phận một cửa của ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát.**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
11. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đúng quy định				
12. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện				
13. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể				
14. Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy				

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
định				
15. DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC				

**Câu 7. DN cho biết ý kiến về hoạt động thanh, kiểm tra của ĐP (tính trong năm 2021)**

c) Số lần các đoàn công tác của ĐP tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN là:

☐<sub>1</sub> 0 lần

☐<sub>2</sub> 01 lần

☐<sub>3</sub> Trên 01 lần

(Nếu DN không bị thanh kiểm tra, vui lòng chuyển sang Câu 8)

d) Nếu có, DN cho biết ý kiến về những nhận định sau

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
1. <i>Không</i> có hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của ĐP				
2. Hoạt động thanh kiểm tra của ĐP <i>không</i> gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN				
3. Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành				
4. Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các Sở, Ban, Ngành				

**4) CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC**

**Câu 8. DN cho biết ý kiến với các nhận định sau ở ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát?**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
4. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm.				
5. DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi				
6. Chi phí không chính thức năm 2021 có xu hướng giảm so với các năm trước.				

**5) CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG**

**Câu 9. DN cho biết ý kiến với các nhận định sau ở ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát?**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
7. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh.				
8. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn vốn.				
9. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN với nhau khi thực hiện TTHC, dịch vụ công.				
10. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các chính sách ưu đãi.				

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
11. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...)				
12. Các DN do nữ làm chủ/điều hành và các DN do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền lợi như nhau.				

#### 6) HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

**Câu 10. DN đã tham gia các chương trình hỗ trợ DN (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát?**

☐ Có

☐ Không (vui lòng chuyển tới câu 11)

**Nếu DN chọn “Có”, vui lòng cho biết các nhận định sau khi tham gia các chương trình hỗ trợ?**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
9. Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc				
10. Triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn				
11. Chương trình hỗ trợ của ĐP rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN				

**Câu 11. DN đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát tổ chức?**

☐<sub>1</sub> Có

☐<sub>2</sub> Không (vui lòng chuyển tới câu 12)

**Nếu DN chọn “Có”, xin vui lòng cho biết ý kiến của DN với các nhận định dưới đây:**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
1. Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả				
2. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại				
3. Chương trình đối thoại với ĐP rất thiết thực với DN				

#### 7) THIẾT CHẾ PHÁP LÝ

**Câu 12. DN cho biết ý kiến với nhận định sau liên quan công tác thi hành, thực thi pháp luật của ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát:**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
7. ĐP đã thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi				

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
ích của DN				
8. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định				
9. Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng				
10. Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN				
11. Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN				
12. DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của ĐP				

**Câu 13: Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa?**

- ☐<sub>1</sub> Có biết và đã từng khiếu nại      ☐<sub>2</sub> Có biết, nhưng chưa từng khiếu nại      ☐<sub>3</sub> Không biết là có cơ chế khiếu nại

*(Nếu DN đã từng khiếu nại, vui lòng chuyển sang câu 14. Nếu DN chưa từng khiếu nại, vui lòng chuyển sang câu 15)*

**Câu 14: Nếu DN đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền, xin vui lòng cho biết ý kiến của DN về các nhận định liên quan đến hiệu quả của công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền?**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
4. Khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng				
5. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại				
6. DN phải khiếu nại vượt cấp				

#### 8) VAI TRÒ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

**Câu 15. DN cho biết ý kiến với nhận định sau liên quan việc đánh giá vai trò của người đứng đầu ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát?**

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sub>1</sub>	Đồng ý <sub>2</sub>	Không đồng ý <sub>3</sub>	Hoàn toàn không đồng ý <sub>4</sub>
7. Lãnh đạo ĐP chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ				
8. Lãnh đạo ĐP có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN				
9. Lãnh đạo ĐP trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN				
10. Lãnh đạo ĐP giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN sau buổi tham vấn, đối thoại				



Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
11. Lãnh đạo ĐP kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền				
12. Lãnh đạo ĐP đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được DN phản ánh				

### 9) ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**Câu 16.** DN cho biết ý kiến với nhận định sau liên quan việc ứng dụng công nghệ thông tin của ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát?

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
1. Website của ĐP đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của DN khi thực hiện TTHC				
2. Thường xuyên truy cập vào website của ĐP để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn				
3. Website của ĐP hoạt động chất lượng, hiệu quả				
4. TTHC của ĐP được thực hiện ở cấp độ 3 hoặc 4 <sup>3</sup>				
5. Website của ĐP có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến				

### 10) TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI VÀ SỰ ỔN ĐỊNH TRONG SỬ DỤNG ĐẤT

**Câu 17.** DN cho biết ý kiến với nhận định sau liên quan việc tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất ở Địa phương được khảo sát?

Nhận định	Hoàn toàn đồng ý <sup>1</sup>	Đồng ý <sup>2</sup>	Không đồng ý <sup>3</sup>	Hoàn toàn không đồng ý <sup>4</sup>
6. DN gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh				
7. DN gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai tại các cơ quan Nhà nước của địa phương				
8. Có hiện tượng DN bị thu hồi đất đai (mặt bằng dự án đầu tư) không thỏa đáng				

<sup>3</sup> – **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1:** là dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.

– **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2:** là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

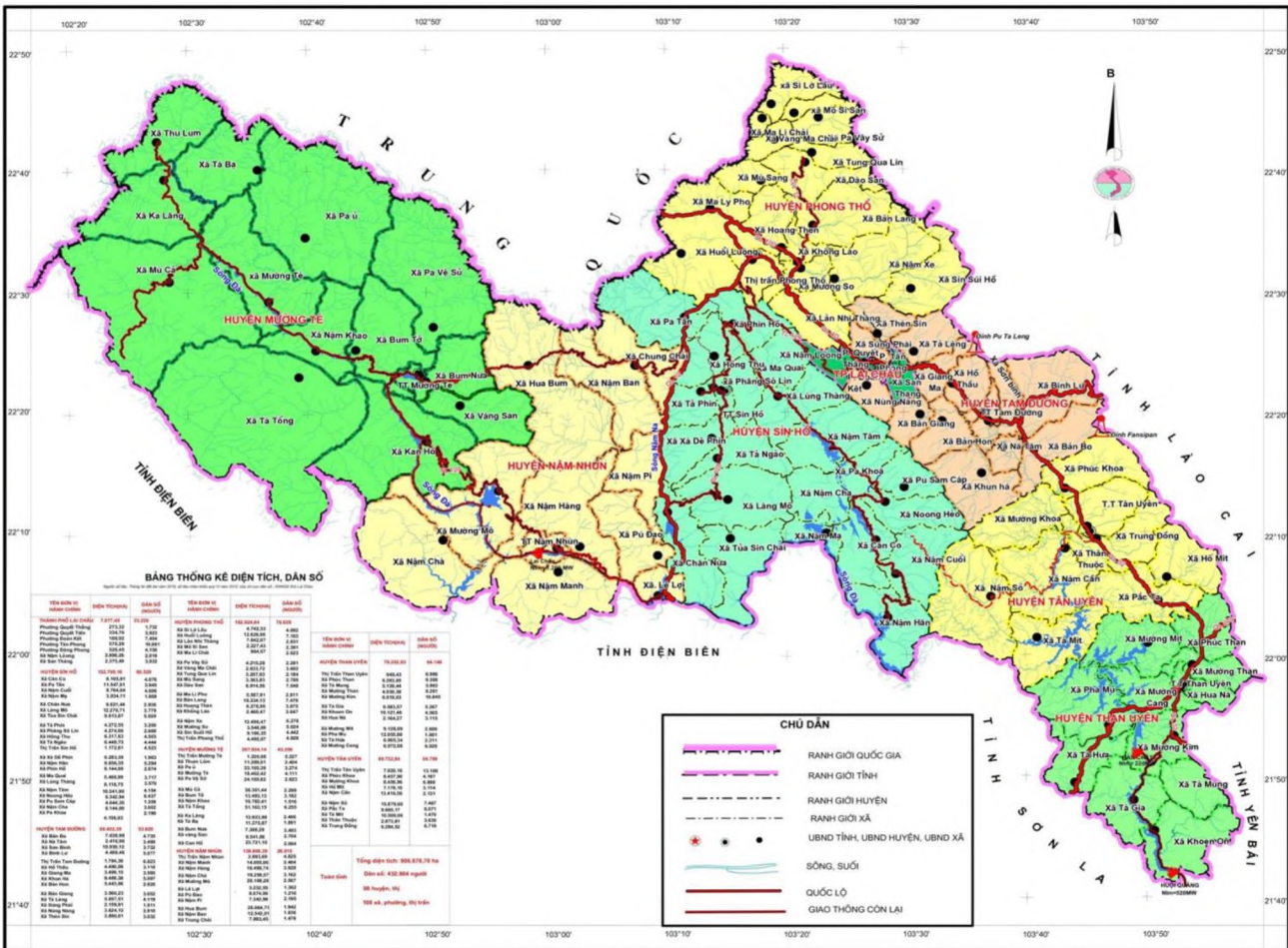
– **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3:** là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

– **Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4:** là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.

<b>Nhận định</b>	<b>Hoàn toàn đồng ý<sub>1</sub></b>	<b>Đồng ý<sub>2</sub></b>	<b>Không đồng ý<sub>3</sub></b>	<b>Hoàn toàn không đồng ý<sub>4</sub></b>
9. Chính quyền công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương				
10. Chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương				

***Xin chân thành cảm ơn Quý Doanh nghiệp đã tham gia khảo sát!***

## BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH LAI CHÂU



**TỶ LỆ: 1/400. 000**

ĐƠN VỊ BIÊN TẬP: VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH LAI CHÂU